

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đỗ Thị Chi
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Hòa Thị Thanh Hương

HẢI PHÒNG – 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU T.B.H**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đỗ Thị Chi
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Hòa Thị Thanh Hương**

HẢI PHÒNG – 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đỗ Thị Chi

Mã SV: 1113401061

Lớp: QTL502K

Ngành: Kế Toán Kiểm Toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Khái quát được những lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Phản ánh được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H

- Đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H, trên cơ sở đó đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí tại đơn vị thực tập.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Sử dụng số liệu năm 2012

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Hòa Thị Thanh Hương.

Học hàm, học vị: Thạc Sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng.

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2013

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT *Trần Hữu Nghị*

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	2
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	2
1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	3
1.1.3. Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	4
1.1.3.1. Yêu cầu quản lý đối với doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	4
1.1.3.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	5
1.1.4. Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	5
1.1.4.1. Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến doanh thu	5
1.1.4.2. Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến chi phí	8
1.1.4.3. Một số khái niệm, thuật ngữ xác định kết quả kinh doanh.	8
1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	9
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9
1.2.1.1. Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9
1.2.1.3. Tài khoản sử dụng	10
1.2.1.3. Quy trình hạch toán	11
1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	13
1.2.2.1. Chứng từ kế toán sử dụng	13
1.2.2.2. Tài khoản sử dụng	13

1.2.2.3 Phương pháp hạch toán	15
1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.....	16
1.2.3.1. Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán	16
1.2.3.2. Chứng từ kế toán sử dụng:	17
1.2.2.4 Tài khoản sử dụng.....	17
1.2.2.5 Phương pháp hạch toán giá vốn	18
1.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	20
1.2.4.1 Kế toán chi phí bán hàng.....	20
1.2.4.1 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	21
1.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính	23
1.2.5.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	23
1.2.5.2. Kế toán chi phí tài chính	24
1.2.6 Kế toán thu nhập khác, chi phí khác	27
1.2.6.1 Kế toán thu nhập khác	27
1.2.6.2 Kế toán chi phí khác.....	29
1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	31
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	34
1.3.1 Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ.	35
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái.	35
1.3.3 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ	36
1.3.4 Hình thức kế toán Nhật ký chung	37
1.3.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính	37
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU T.B.H.....	38
2.1. Khái quát chung về công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H.....	38
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H	38

2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H	40
2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H	41
2.1.4. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán, hình thức sổ kế toán áp dụng và chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H.....	43
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán.....	43
2.1.4.3 Chế độ kế toán áp dụng tại công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H.....	46
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H	46
2.2.1. Thực trạng công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H	46
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H ...	55
2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H	59
2.2.3.1 Kế toán chi phí bán hàng tại công ty.....	59
2.2.3.2 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty.....	60
2.2.4. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H	70
2.2.5 Thực trạng công tác kế toán thu nhập khác, chi phí khác tại công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H	76
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU T.B.H	83
3.1. Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H.....	83
3.1.1. Ưu điểm.....	83
3.1.2. Hạn chế.....	85

3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H.....	85
3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	85
3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	87
3.2.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H	88
3.2.2.1. Ý kiến thứ nhất: Hoàn thiện sổ chi tiết và lập báo cáo XĐKQKD của từng mặt hàng	88
3.2.2.2. Ý kiến thứ hai: Về chính sách thu hồi nợ và chính sách chiết khấu thanh toán	91
3.2.2.3. Ý kiến thứ ba: Về công tác trích lập dự phòng phải thu khó đòi.	92
Phương pháp lập dự phòng.....	92
3.2.2.4. Ý kiến thứ tư: Nâng cao trình độ đội ngũ nhân viên kế toán và áp dụng kế toán máy	94
KẾT LUẬN	97
Tài liệu tham khảo	98

LỜI MỞ ĐẦU

Nước ta chuyển sang nền kinh tế thị trường là một cơ hội tốt để các doanh nghiệp cạnh tranh phát triển tạo cho nền kinh tế sự đa dạng về hình thức kinh doanh, mặt hàng kinh doanh. Mặt khác, sự phát triển của nền kinh tế thị trường đòi hỏi phải có những đánh giá cụ thể hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp. Vấn đề đặt ra cho các doanh nghiệp là làm thế nào để có được lợi nhuận cao nhất nhưng chi phí bỏ ra thấp. Do đó, các doanh nghiệp trong nước luôn phải cố gắng tìm mọi biện pháp để nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Sau khi được đi thực tập tại công ty em đã quyết định chọn đề tài: **"Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu T.B.H"**.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận được chia làm ba chương:

- Chương 1: Lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu T.B.H.
- Chương 3: Một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu T.B.H

Do thời gian thực tập ngắn và trình độ của bản thân còn hạn chế nên khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được những nhận xét và ý kiến đóng góp để khóa luận có ý nghĩa thực tiễn cao hơn.

Em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn nhiệt tình của cô giáo **Thạc sỹ Hoà Thị Thanh Hương** và sự tạo điều kiện, giúp đỡ của Ban lãnh đạo, các cô chú, anh chị trong phòng kế toán công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu T.B.H đã giúp em hoàn thành đề tài này.

Sinh viên

ĐỖ THỊ CHI

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao nhất (tối đa hoá lợi nhuận và tối thiểu hoá rủi ro). Lợi nhuận là thước đo kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp, các yếu tố liên quan đến việc xác định lợi nhuận là doanh thu, chi phí. Do đó doanh nghiệp cần kiểm tra doanh thu, chi phí để đạt được kết quả cao nhất.

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm gia tăng vốn chủ sở hữu. Tiêu thụ là một trong quá trình bán hàng, là giai đoạn cuối cùng của giai đoạn kinh doanh, có ý nghĩa rất quan trọng với doanh nghiệp thương mại, dịch vụ vì nó giúp doanh nghiệp thu hồi vốn để tiếp tục quá trình kinh doanh tiếp theo

Đồng thời, các doanh nghiệp cũng luôn quan tâm đến quản lý chi phí, bởi nếu chi phí không đúng, không đủ với thực chất của nó thì đều gây ra những khó khăn trong quản lý và đều làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Vì vậy, vấn đề quan trọng đặt ra cho các nhà quản lý là phải kiểm soát được chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi hay lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong một thời kỳ nhất định (cuối tháng, cuối quý hoặc cuối năm)

Việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học, hợp lý và phù hợp với điều kiện cụ thể của doanh nghiệp có ý nghĩa quan trọng trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho chủ doanh nghiệp, giám đốc điều hành, cơ quan chủ quản, quản lý tài chính, thuế... để lựa chọn phương án kinh doanh có hiệu quả, giám sát việc chấp hành chính sách, chế độ kinh tế, tài chính, chính sách thuế...

Như vậy, hệ thống kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng đóng vai trò quan trọng trong việc tập hợp phản ánh các số liệu về tình hình hoạt động của doanh nghiệp, qua đó cung cấp được những thông tin cần thiết giúp chủ doanh nghiệp có thể phân tích, đánh giá và lựa chọn phương án đầu tư có hiệu quả.

1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Doanh thu có vai trò hết sức quan trọng không chỉ đối với sự tồn tại và phát triển của bản thân doanh nghiệp mà còn đối với sự phát triển chung của toàn nền kinh tế, đặc biệt là nền kinh tế thị trường. Để đạt được lợi nhuận ngày càng cao, các doanh nghiệp phải xây dựng cho mình mô hình kế hoạch kinh doanh. Trong đó phải tính đầy đủ, chính xác các khoản chi phí và kết quả đạt được. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là công cụ quan trọng trong quản lý và điều hành có hiệu quả các hoạt động của doanh nghiệp trong kinh doanh.

Thông tin kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp giúp nhà quản trị doanh nghiệp nắm được tình hình thực hiện kế toán doanh thu của doanh nghiệp về loại hình, số lượng, chất lượng, giá cả, thời hạn thanh toán; kiểm tra tình hình thực hiện các dự toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính và chi phí khác, xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó đưa ra những biện pháp định hướng cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ tiếp theo, hoàn thiện hoạt động kinh doanh, hoạt động quản lý, tiết kiệm chi phí, tăng doanh thu.

Thông tin kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp giúp Nhà nước (Cơ quan thuế, các cơ quan chức năng, cơ quan thống kê...) kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, từ đó đưa ra các chính sách thích hợp nhằm phát triển toàn diện nền kinh tế quốc dân.

Thông tin kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp là mối quan tâm của những người có lợi ích trực tiếp liên quan đến tình hình kinh doanh của doanh nghiệp như các nhà đầu tư, nhà cung cấp, các chủ nợ... Đó là cơ sở để các đối tượng này nắm bắt được tình hình kinh doanh của doanh nghiệp, kịp thời đưa ra các quyết định kinh doanh có lợi nhất cho mình.

Những phân tích trên cho thấy kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp có vai trò hết sức quan trọng trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng thông tin, giúp các đối tượng này đưa ra các quyết định kinh doanh một cách phù hợp và kịp thời. Do đó việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp một cách khoa học và hợp lý là vô cùng cần thiết và có ý nghĩa lớn trong việc thực hiện cung cấp thông tin kinh tế kịp thời, chính xác, góp phần phát huy đầy đủ vai trò của hạch toán kế toán nói chung trong quản lý kinh tế tài chính doanh nghiệp.

1.1.3. Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.3.1. Yêu cầu quản lý đối với doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Quản lý doanh thu là quản lý bán hàng và tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ. Yêu cầu đặt ra là phải quản lý kế hoạch và thực hiện kế hoạch tiêu thụ đối với từng thời kỳ, từng khách hàng và từng hợp đồng kinh tế.

- Phải giám sát chặt chẽ hàng hoá tiêu thụ trên tất cả các phương diện cả về số lượng và chất lượng.

- Phải quản lý chặt chẽ tình hình thanh toán của khách hàng, yêu cầu thanh toán đúng hình thức và thời gian, tránh mất mát, ứ đọng vốn.

- Tránh hiện tượng mất mát, hư hỏng, tham ô, lãng phí, kiểm tra tính hợp lý của các khoản chi phí, đồng thời phân bổ chính xác cho hàng bán để xác định kết quả kinh doanh của từng mặt hàng.

1.1.3.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

a) Nhiệm vụ của kế toán doanh thu

- Ghi chép, theo dõi, phản ánh kịp thời, chính xác công tác mua hàng, bán hàng về mặt số lượng, kết cấu, chủng loại, giá cả của các loại hàng hoá

- Kế toán phải mở sổ chi tiết để theo dõi từng khoản doanh thu theo yêu cầu của đơn vị

- Theo dõi chi tiết với người mua, các loại thuế, phí, lệ phí các sản phẩm, hàng hoá bán ra.

b) Nhiệm vụ của kế toán chi phí

- Xác định kịp thời, chính xác từng loại hàng hoá đã mua, giá vốn của hàng bán ra và phân bổ chi phí thu mua cho từng hàng đã tiêu thụ.

- Ghi chép đầy đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Tập hợp đầy đủ, chính xác và phân bổ các khoản chi phí một cách hợp lý.

c) Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước và tình hình phân phối kết quả kinh doanh.

- Tham mưu các giải pháp để thúc đẩy bán hàng, thu tiền hàng, tăng nhanh vòng quay vốn, cung cấp thông tin cho lãnh đạo nhanh chóng, thường xuyên, nhạy bén các thông tin mua hàng, thanh toán tiền hàng, giá cả, lượng hàng tồn kho để lãnh đạo nghiên cứu, có quyết định cho những chỉ đạo, điều hành hoạt động mua bán, kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.4 Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.4.1 Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến doanh thu

a) Các loại doanh thu

Khái niệm doanh thu: Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ quá trình sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

❖ Doanh thu trong doanh nghiệp bao gồm:

✚ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là toàn bộ số tiền thu được, hoặc sẽ thu được từ giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

- Doanh thu bán hàng là một chỉ tiêu quan trọng trên báo cáo tài chính của các doanh nghiệp, phản ánh quy mô kinh doanh, khả năng tạo ra tiền của doanh nghiệp, đồng thời liên quan mật thiết đến việc xác định lợi nhuận doanh nghiệp.

- **Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:** Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

1) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hoá cho người mua.

2) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.

3) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

4) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng

5) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- **Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:**

1) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

2) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.

3) Xác định được công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

4) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

✚ Doanh thu thuần: là tổng các khoản thu nhập mang lại từ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ(TK511), Doanh thu nội bộ (TK 512) sau khi đã trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán và thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp Nhà nước đối với doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp.

✚ Doanh thu tiêu thụ nội bộ: là số tiền thu được do bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc một công ty, tổng công ty.

✚ Doanh thu hoạt động tài chính: là doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp đã được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt doanh thu đã thu được hay sẽ thu được tiền.

✚ Thu nhập khác: là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

b) Các khoản giảm trừ doanh thu

✓ Chiết khấu thương mại: Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lưu trữ mà khách hàng đã mua trong kỳ một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

✓ Hàng bán bị trả lại: là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán. Khi doanh nghiệp ghi nhận trị giá hàng bán bị trả lại cần đồng thời ghi giảm tương ứng trị giá vốn hàng bán trong kỳ.

✓ Giảm giá hàng bán: Là số tiền giảm trừ cho người mua trên giá bán đã thoả thuận do hàng kém phẩm chất, không đúng phẩm chất, quy cách, chất lượng, hàng giao không đúng thời hạn theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

✓ Thuế tiêu thụ đặc biệt: Là thuế đánh vào những mặt hàng hoá, dịch vụ mà không phục vụ thiết yếu cho đời sống người dân lao động.

✓ Thuế xuất khẩu: Là thuế đánh vào những mặt hàng được xuất ra nước ngoài theo quy định.

✓ Thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp: Là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế giá trị gia

tăng của doanh nghiệp phải nộp theo phương pháp trực tiếp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

1.1.4.2. Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến chi phí

✚ Chi phí của doanh nghiệp là toàn bộ các khoản chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động khác và các khoản thuế gián thu mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

✚ Chi phí của doanh nghiệp gồm có:

✓ Giá vốn hàng bán: Giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ. Đối với sản phẩm, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ, giá vốn hàng bán là giá thành sản xuất thực tế hay chi phí sản xuất thực tế. Với vật tư, hàng hoá giá vốn hàng bán là thực tế giá gốc ghi sổ

Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn trong các khoản chi phí của doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp thương mại, giá vốn hàng bán là giá mua hàng hoá cộng chi phí thu mua của hàng hóa tiêu thụ.

✓ Chi phí bán hàng: Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ.

✓ Chi phí quản lý doanh nghiệp: là toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến công việc hành chính, quản trị ở phạm vi toàn doanh nghiệp.

✓ Chi phí hoạt động tài chính: Là các chi phí liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính. Chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán.

✓ Chi phí khác: Là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

✓ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

1.1.4.3. Một số khái niệm, thuật ngữ xác định kết quả kinh doanh.

Kết quả sản xuất kinh doanh là kết quả cuối cùng của doanh nghiệp đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và

hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi hoặc lỗ. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Kết quả hoạt động tài chính là chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí tài chính. Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.1.1. Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch do ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa thuế GTGT

- Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính được xác định bằng số tiền nhận trước chia cho số năm trả tiền trước.

1.2.1.2 Chứng từ kế toán sử dụng

- Hoá đơn GTGT đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

- Hoá đơn bán hàng thông thường đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp


- Bảng thanh toán hàng gửi đại lý, ký gửi

- Thẻ quầy hàng

- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, séc chuyển khoản, uỷ nhiệm chi...

- Chứng từ kế toán liên quan khác như: phiếu nhập kho hàng trả lại...

1.2.1.3 Tài khoản sử dụng

 **Tài khoản 511** – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tài khoản 511 có kết cấu như sau:

Bên nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ

- Khoản giảm trừ hàng bán kết chuyển cuối kỳ.


- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ

- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Bên có:

- Doanh thu bán sản phẩm hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

 **Tài khoản 512** – doanh thu nội bộ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ các doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là số tiền thu được do bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty theo giá nội bộ.

Tài khoản 512 có kết cấu như sau:

Bên nợ:

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên số lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ.

- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.

- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ sang tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Bên có:

- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ.

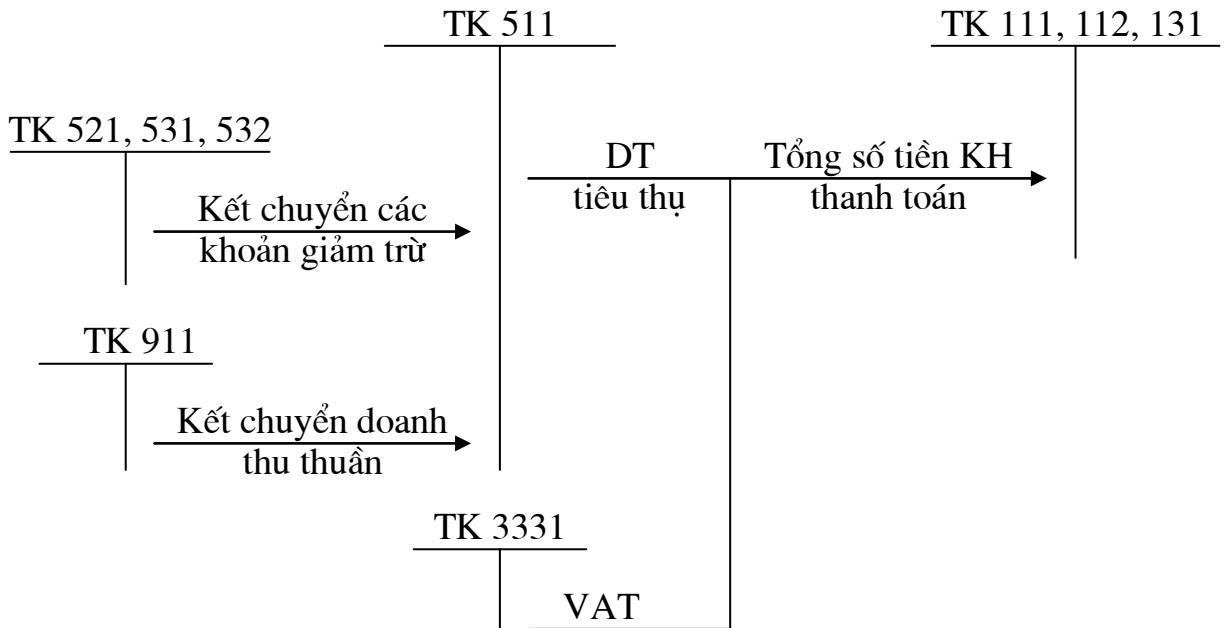
1.2.1.3 Quy trình hạch toán

- Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức trực tiếp được thể hiện qua sơ đồ 1.1

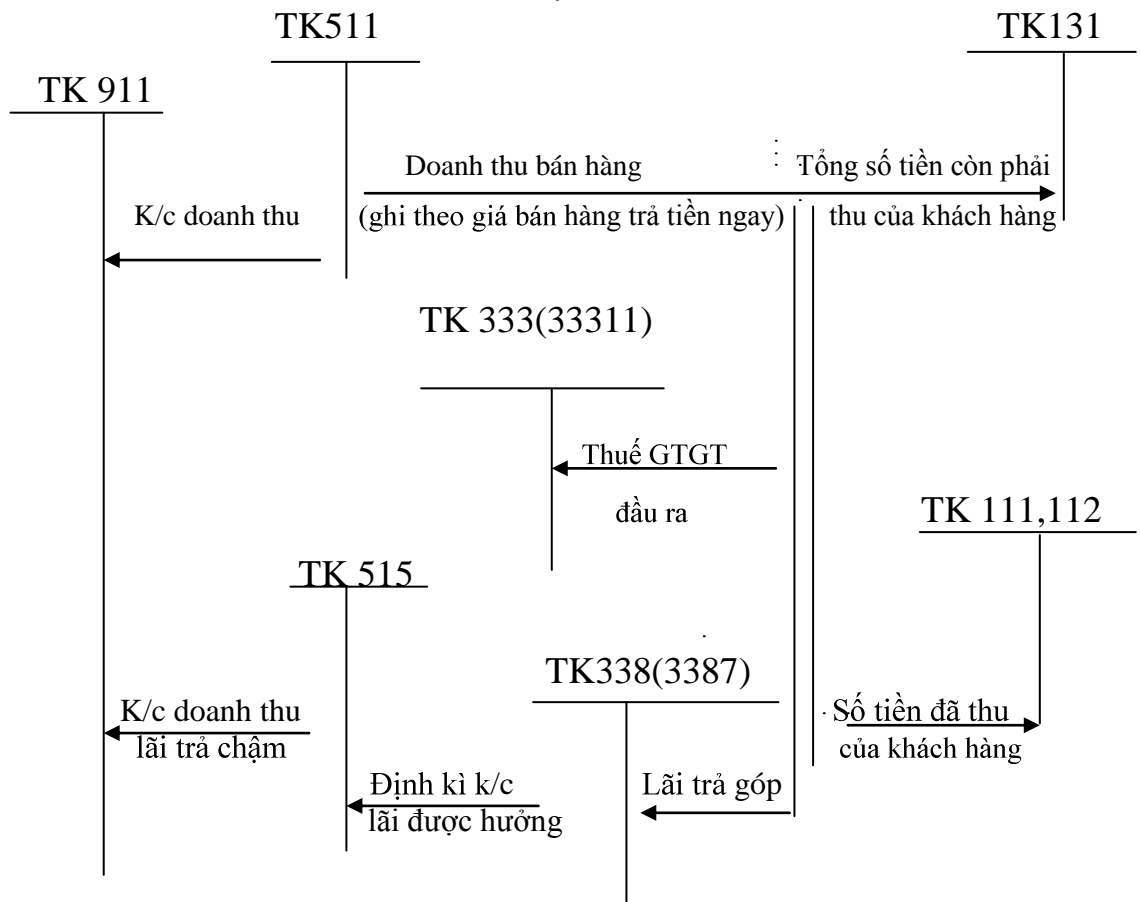
- Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả góp, trả chậm được thể hiện qua sơ đồ 1.2

- Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng được thể hiện qua sơ đồ 1.3

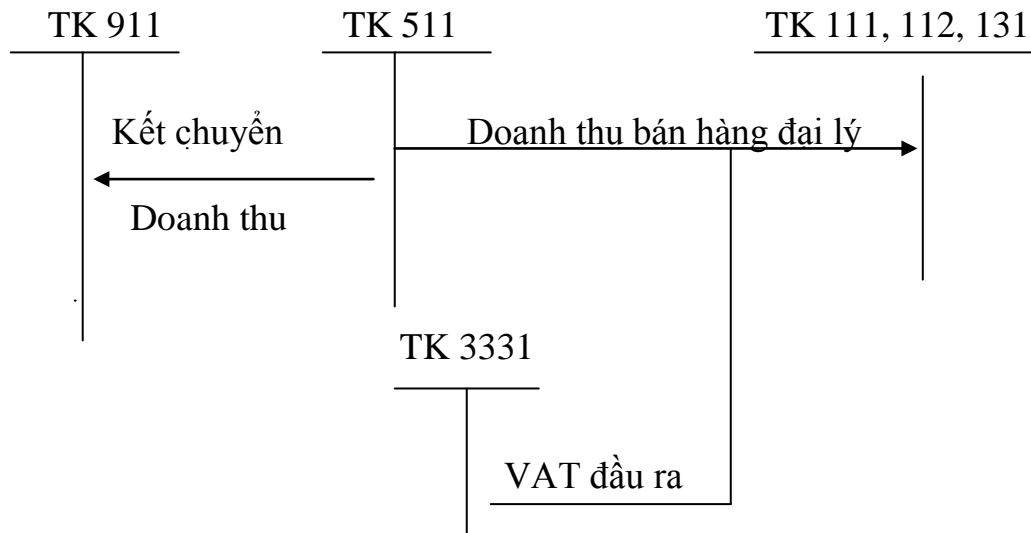
Sơ đồ 1.1: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trực tiếp



Sơ đồ 1.2: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả góp, trả chậm



Sơ đồ 1.3. Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng.



1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2.1. Chứng từ kế toán sử dụng

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng

🚩 Tài khoản 521 – Chiết khấu thương mại

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng với khối lượng lớn và theo thoả thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại.

Tài khoản 521 có kết cấu như sau:

Bên Nợ:

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

Bên Có:

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại tài khoản 511- doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại, không có số dư cuối kỳ

✚ Tài khoản 531: Hàng bán bị trả lại

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Chỉ phản ánh vào tài khoản này giá trị của số hàng đã bán nay bị trả lại và được tính theo đúng đơn giá bán đã ghi trên hóa đơn trước đây.

Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào Tài khoản 641- Chi phí bán hàng.

Tài khoản 531 có kết cấu như sau:**Bên Nợ:**

- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hoá đã bán.

Bên Có:

- Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Tài khoản 512 - Doanh thu nội bộ để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ.

✚ Tài khoản 532: Giảm giá hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Chỉ phản ánh vào tài khoản này các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng và phát hành hoá đơn (Giảm giá ngoài hoá đơn) do hàng bán kém, mất phẩm chất. . .

Tài khoản 532 có kết cấu như sau:**Bên Nợ:**

-Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Bên Có:

- Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang Tài khoản “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc Tài khoản “Doanh thu bán hàng nội bộ”.

Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ.

Thuế

Các khoản thuế làm giảm doanh thu như:

- Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp: Thuế giá trị gia tăng là một loại thuế gián thu, được tính trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: Là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp doanh nghiệp tiêu thụ những mặt hàng thuộc danh mục vật tư, hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

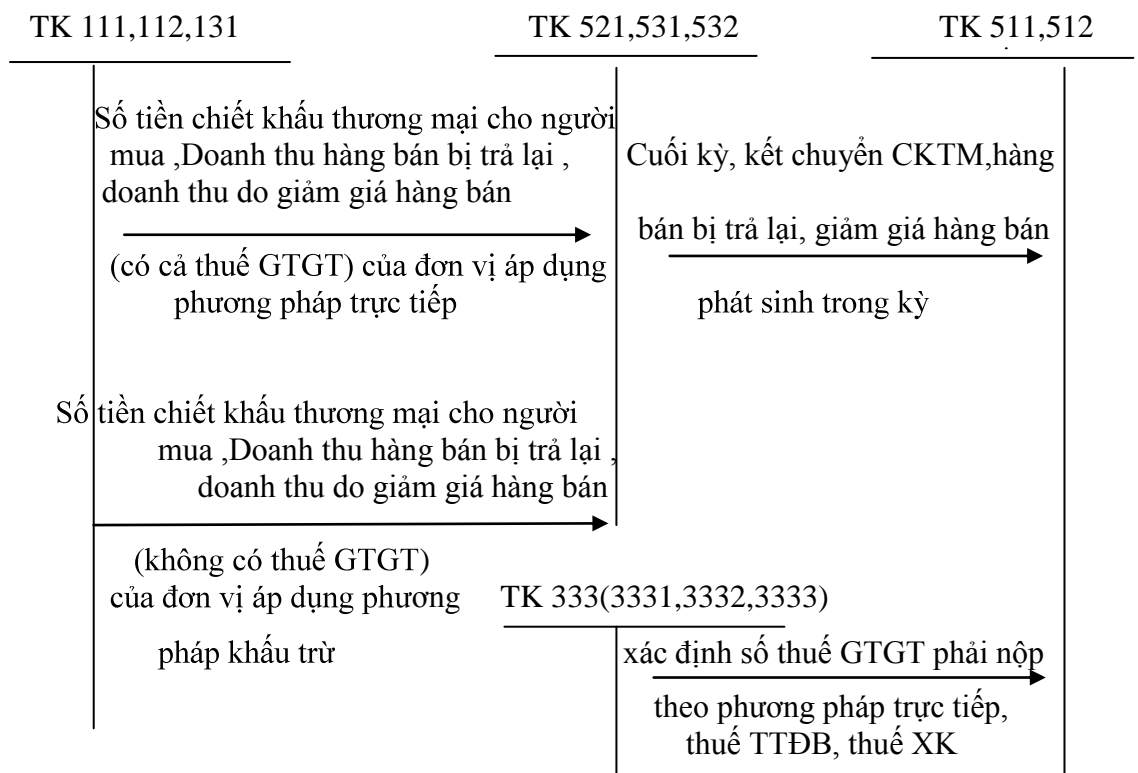
- Thuế xuất khẩu: Là khoản thuế mà doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu hàng hóa mà hàng hóa đó phải chịu thuế xuất khẩu.

1.2.2.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu (chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán) được thể hiện qua sơ đồ 1.4 như sau:

1.4 như sau:

Sơ đồ 1.4: Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu



1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa bán ra trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

1.2.3.1. Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán

- Phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra.

- Phương pháp bình quân gia quyền

Theo phương pháp bình quân gia quyền:

Trị giá hàng xuất kho = Số lượng hàng xuất kho * Đơn giá bình quân

Nếu đơn giá bình quân được tính cho cả kỳ được gọi là phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ. Nếu đơn giá bình quân cả kỳ được tính sau mỗi lần nhập được gọi là phương pháp bình quân liên hoàn.

+ Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

Đơn giá bình quân =
$$\frac{\text{Trị giá thực tế tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

Đây là phương pháp khá đơn giản, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ. Tuy nhiên, phương pháp này có nhược điểm lớn là công tác kế toán dồn vào cuối kỳ ảnh hưởng tiến độ của các phần hành khác. Hơn nữa, phương pháp chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

+ Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:

Đơn giá xuất kho =
$$\frac{\text{Trị giá thực tế sản phẩm, hàng hóa tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

- Phương pháp nhập trước – xuất trước:

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

- Phương pháp nhập sau – xuất trước:

Phương pháp này giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ.

1.2.3.2. Chứng từ kế toán sử dụng:

- Phiếu xuất kho (mẫu 02- VT)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (mẫu 03- VT)
- Hóa đơn GTGT (mẫu 01- GTGT- 3LL)
- HĐ bán hàng thông thường (mẫu 02- GTGT- 3LL)
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.2.4 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Tài khoản 632 có kết cấu như sau

Bên nợ:

- Trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ đã cung cấp theo từng hóa đơn.

- Phản ánh chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ không

được tính vào trị giá hàng tồn kho mà phải tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán.

- Phản ánh khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra

- Phản ánh chi phí tự xây dựng, tự chế tài sản cố định vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.

- Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản đã lập dự phòng năm trước.

Bên có:

- Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Khoản chênh lệch giữa số phải lập dự phòng năm nay nhỏ hơn khoản đã lập dự phòng năm trước).

- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, lao vụ dịch vụ vào bên Nợ tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

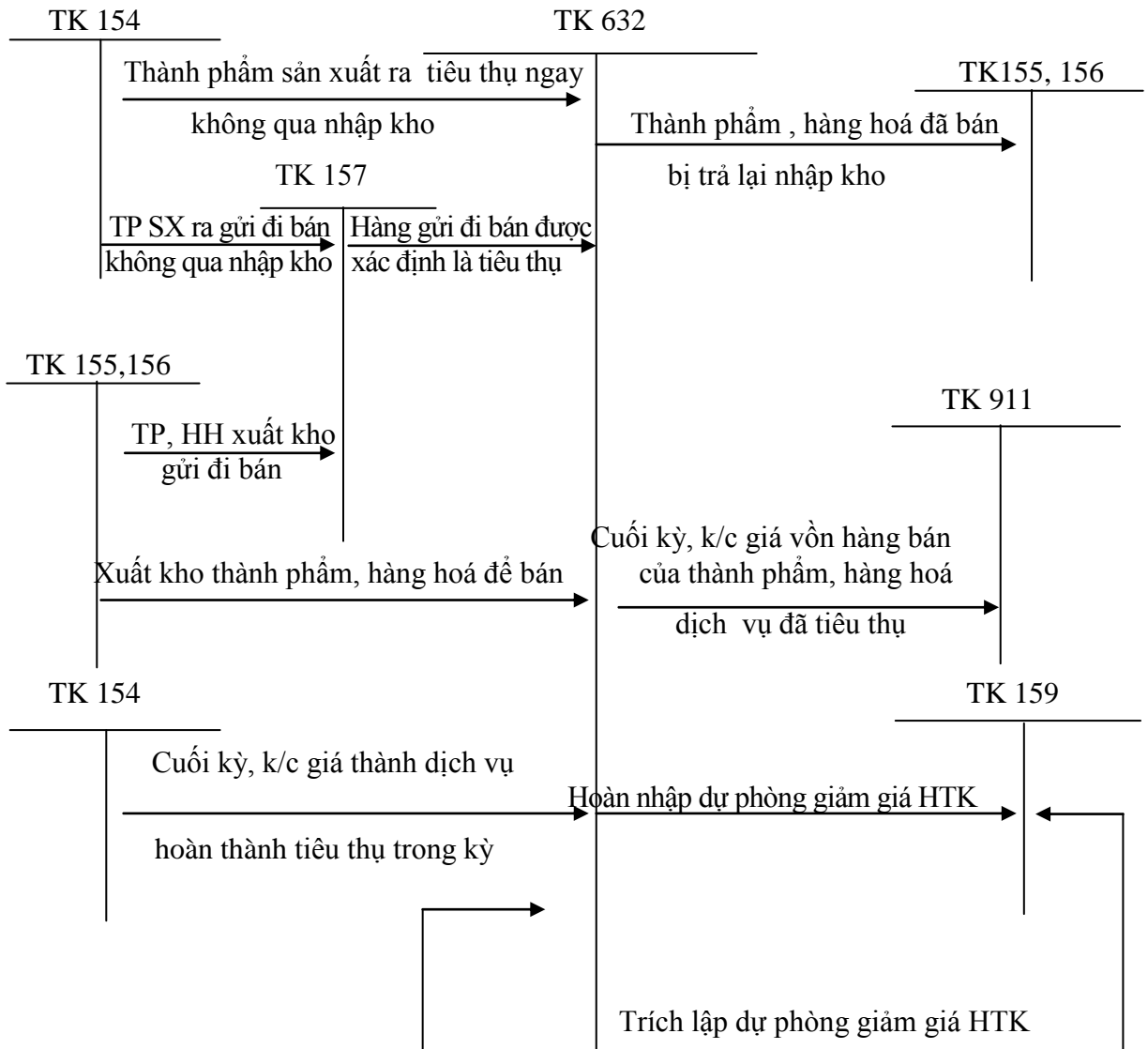
1.2.2.5 Phương pháp hạch toán giá vốn

✚ *Phương pháp kê khai thường xuyên* : Là phương pháp theo dõi và phản ánh một cách thường xuyên, liên tục tình hình nhập xuất, tồn kho vật liệu, hàng hóa trên các loại sổ sách kế toán sau mỗi lần phát sinh các nghiệp vụ mua (nhập) hoặc xuất dùng. Vì vậy giá trị vật tư, hàng tồn kho trên sổ kế toán có thể được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán. Phương thức hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện qua sơ đồ 1.5

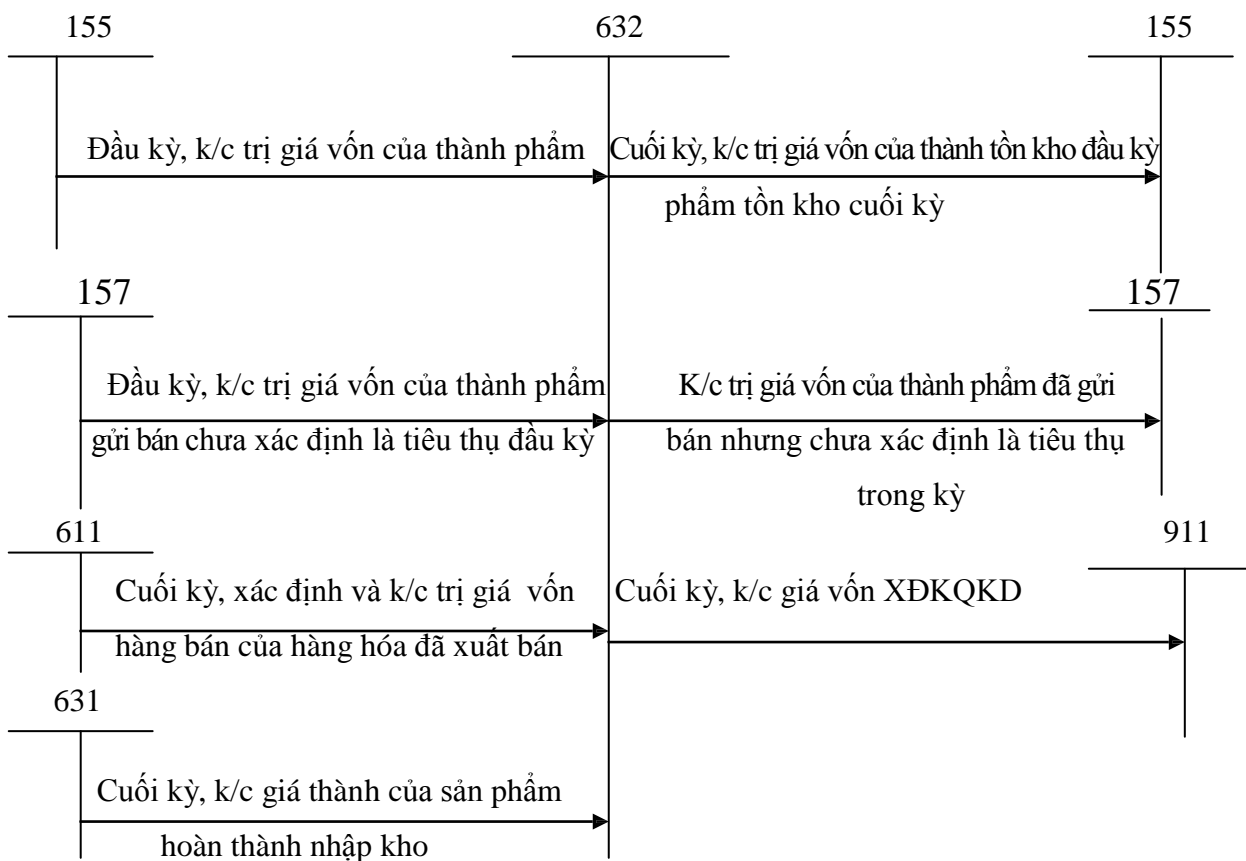
✚ *Phương pháp kiểm kê định kỳ* : Là phương pháp kế toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ vật tư, hàng hoá trên sổ kế toán và từ đó xác định được giá trị của vật liệu, hàng hóa đã xuất trong kỳ. Trong kỳ kế toán chỉ theo dõi, tính toán và ghi chép về nghiệp vụ nhập vật liệu, còn trị giá vật liệu xuất chỉ được xác định một lần vào

cuối kỳ khi có kết quả kiểm kê vật liệu hiện còn cuối kỳ. Phương thức hạch toán giá vốn hàng bán theo phương thức kiểm kê định kỳ được thể hiện qua sơ đồ 1.6

Sơ đồ 1.5: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.6: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.4.1. Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là những khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, lao vụ trong thời kỳ theo quy định của chế độ tài chính. Chi phí bán hàng bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng: gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho nhân viên bán hàng và các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN trên tiền lương nhân viên bán hàng theo tỷ lệ quy định.
- Chi phí vật liệu bao bì.
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng: là chi phí về công cụ, dụng cụ, đồ dùng đo lường tính toán làm việc ở khâu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- Chi phí khấu hao TSCĐ: là chi phí khấu hao TSCĐ dùng ở khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa trong thời gian quy định bảo hành.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: là khoản chi phí mua ngoài phục vụ cho khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ như: chi phí thuê tài sản, thuê kho, thuê bến bãi, thuê bốc dỡ vận chuyển, tiền hoa hồng, đại lý.

- Chi phí bằng tiền khác: là khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ nằm ngoài các chi phí trả trên, chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm.

➤ **Chứng từ kế toán sử dụng**

- Phiếu chi (mẫu số 01- TT)
- Giấy báo nợ..
- Bảng thanh toán tiền lương (mẫu số 02- LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định (mẫu số 06- TSCĐ)
- Các chứng từ khác có liên quan

➤ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng

Tài khoản 641 có kết cấu như sau:

Bên Nợ:

- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Bên Có:

- Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.

1.2.4.1 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý: gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp và các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ BHTN trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định.

- Chi phí đồ dùng văn phòng: chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của doanh nghiệp.

- Chi phí khấu hao TSCĐ: là chi phí khấu hao những TSCĐ dùng chung

cho doanh nghiệp như: văn phòng làm việc, kho tàng, vật kiến trúc...

- Thuế, phí, lệ phí: thuế nhà đất, thuế môn bài... và các khoản phí, lệ phí như giao thông, cầu phà...

- Chi phí dự phòng: khoản trích dự phòng phải thu khó đòi.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài, thuế ngoài như: tiền điện, tiền nước, tiền thuê TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp.

- Chi phí bằng tiền khác: các khoản chi phí bằng tiền ngoài các khoản kể trên như: chi phí hội nghị, tiếp khách, chi phí công tác phí, chi phí đào tạo cán bộ, các khoản chi phí khác.

➤ **Chứng từ kế toán sử dụng**

- Phiếu chi (mẫu số 01- TT)

- Giấy báo nợ

- Bảng thanh toán tiền lương (mẫu số 02- LĐTL)

- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định (mẫu số 06- TSCĐ)

- Các chứng từ khác có liên quan

➤ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản 642 có kết cấu như sau:

Bên Nợ:

Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ

Bên Có:

- Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

➤ **Phương pháp hạch toán**

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được thể hiện qua sơ đồ 1.7

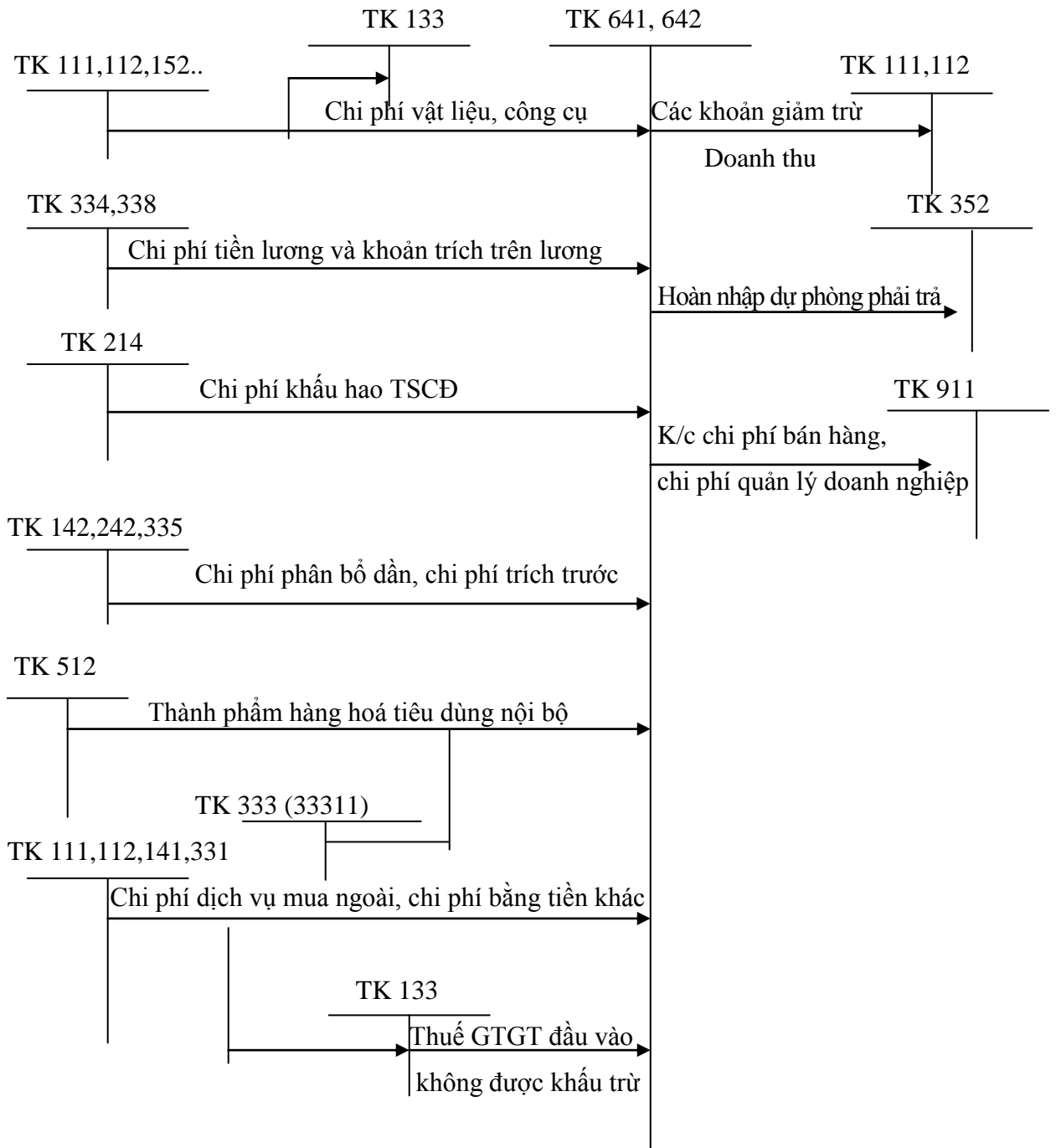
1.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.5.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được từ hoạt động tài chính hoặc kinh doanh về vốn trong kỳ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm một số nội dung sau :

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp



- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá,....
- Cổ tức lợi nhuận được chia
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác
- Lãi tỷ giá hối đoái
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ
- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

➤ **Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Phiếu thu (mẫu số 01-TT)
- Giấy báo có
- Các hợp đồng vay vốn...

➤ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản 515 có kết cấu như sau:

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911-Xác định kết quả kinh doanh.

Bên Có:

- Các khoản làm tăng doanh thu hoạt động tài chính.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

➤ **Phương pháp hạch toán:** phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính được thể hiện qua **sơ đồ 1.8**

1.2.5.2. Kế toán chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính là toàn bộ khoản chi phí phát sinh trong kỳ

hạch toán liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp.

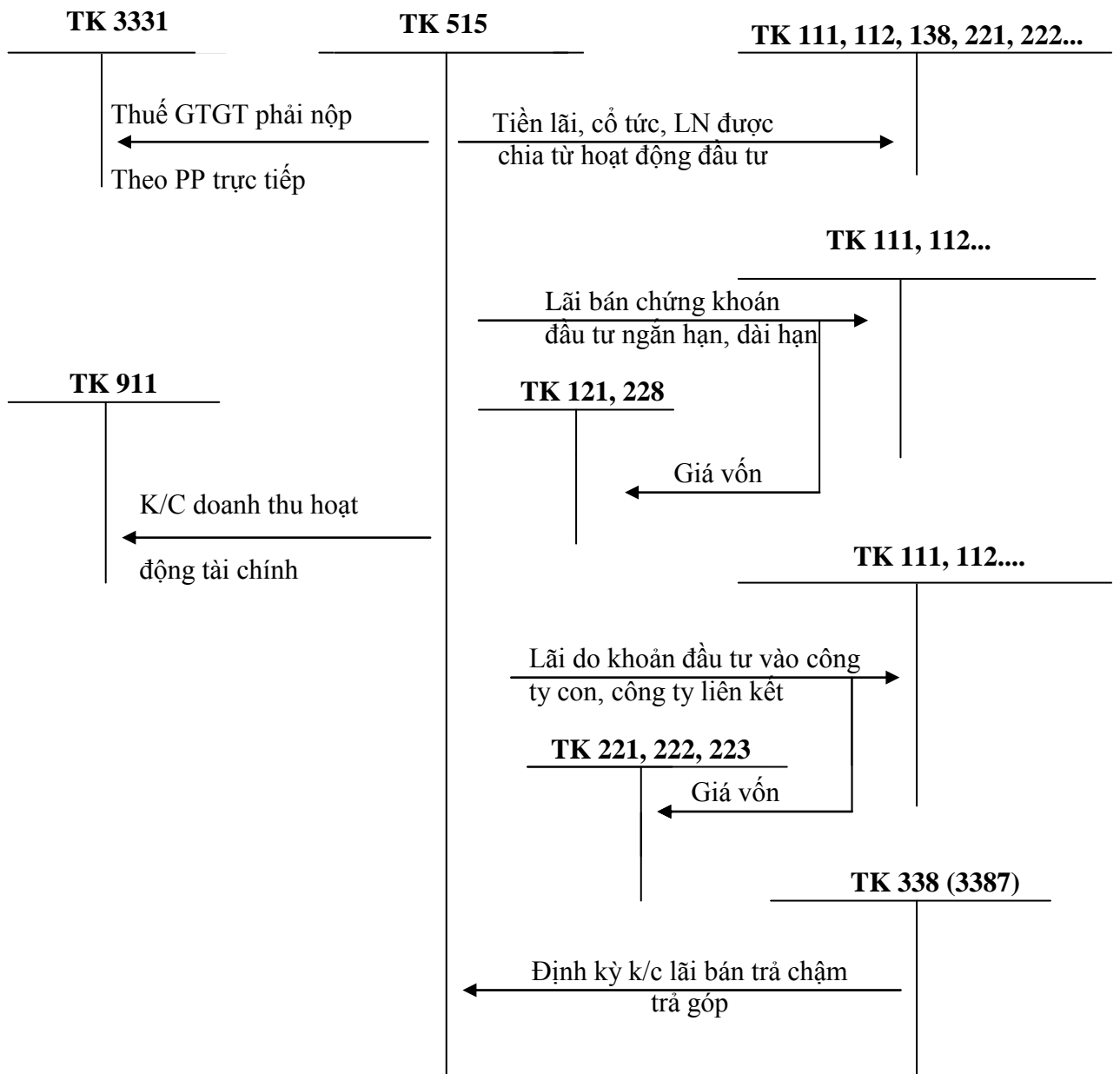
➤ **Chứng từ kế toán sử dụng**

- Phiếu chi (mẫu số 02- TT)
- Giấy báo nợ
- Các hợp đồng vay vốn, biên bản góp vốn..

➤ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

Sơ đồ 1.8: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



Tài khoản 635 có kết cấu như sau:***Bên Nợ:***

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- Lỗ bán ngoại tệ;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá - giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

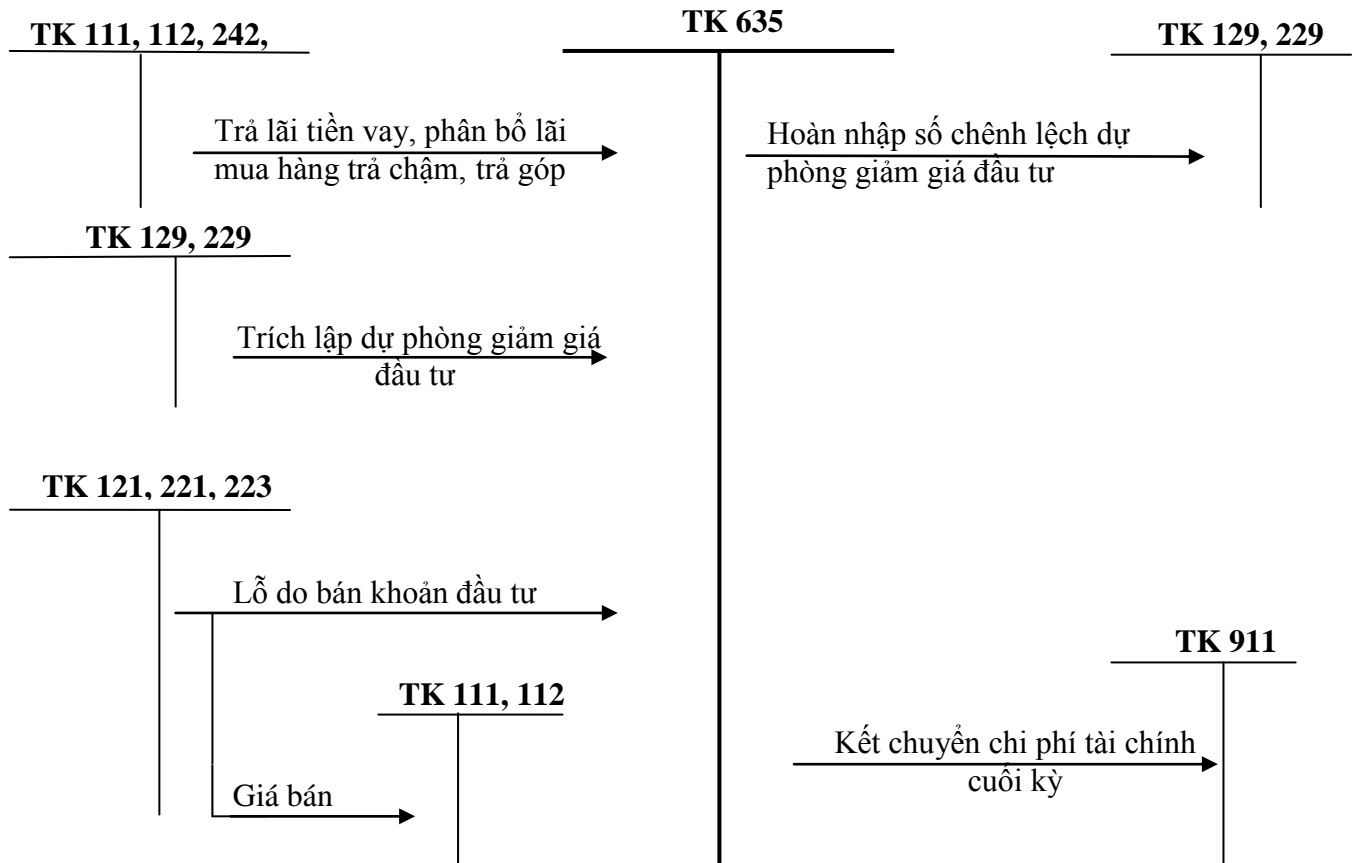
Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

➤ **Phương pháp hạch toán:** phương pháp hạch toán chi phí hoạt động tài chính được thể hiện qua **sơ đồ 1.9** như sau:

Sơ đồ 1.9: Kế toán chi phí hoạt động tài chính



1.2.6 Kế toán thu nhập khác, chi phí khác

1.2.6.1 Kế toán thu nhập khác

Thu nhập khác dùng để phản ánh các khoản thu nhập phát sinh ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

Nội dung thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm một số nội dung sau :

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ;
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;

- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

➤ **Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT (mẫu số 01- GTKT- 3LL)
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu (mẫu số 01- TT), giấy báo có..
- Các chứng từ liên quan khác: Biên bản thanh lý tài sản cố định, hợp đồng kinh tế...

➤ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 711 – Thu nhập khác

Tài khoản 711 có kết cấu như sau:

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

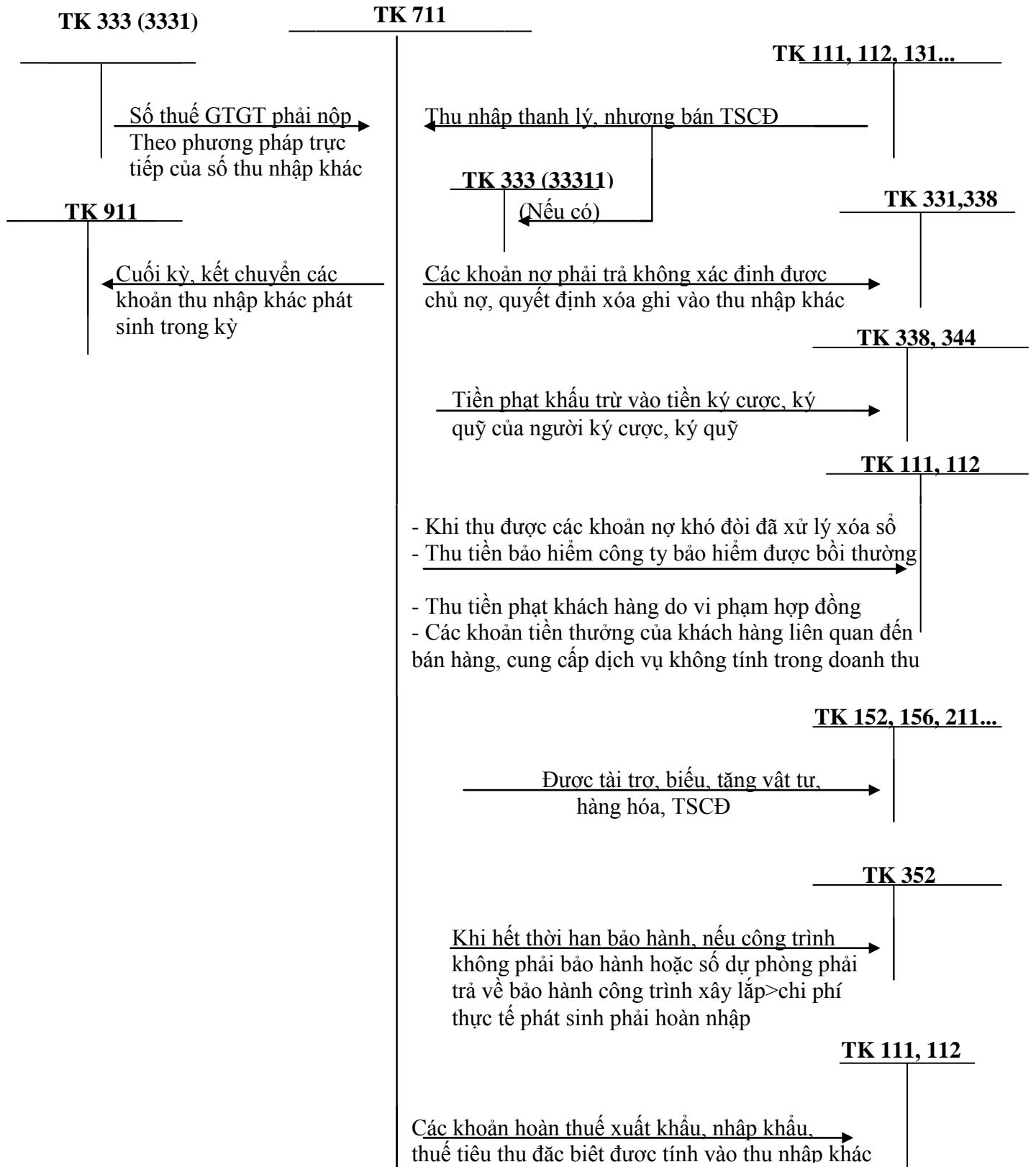
Bên Có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh tăng trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

Phương pháp hạch toán thu nhập khác được thể hiện qua sơ đồ 1.10 như sau

Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác



1.2.6.2 Kế toán chi phí khác

Chi phí khác là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm một số nội dung như sau:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý và nhượng bán TSCĐ (Nếu có);
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế;
- Các khoản chi phí khác.

➤ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi (mẫu số 02-TT)
- Giấy báo nợ
- Hóa đơn GTGT (mẫu số 01- GTKT- 3LL)
- Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.

➤ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 811 – Chi phí khác

Tài khoản 811 có kết cấu như

sau: Bên Nợ:

- Các khoản chi phí khác phát sinh.

Bên Có:

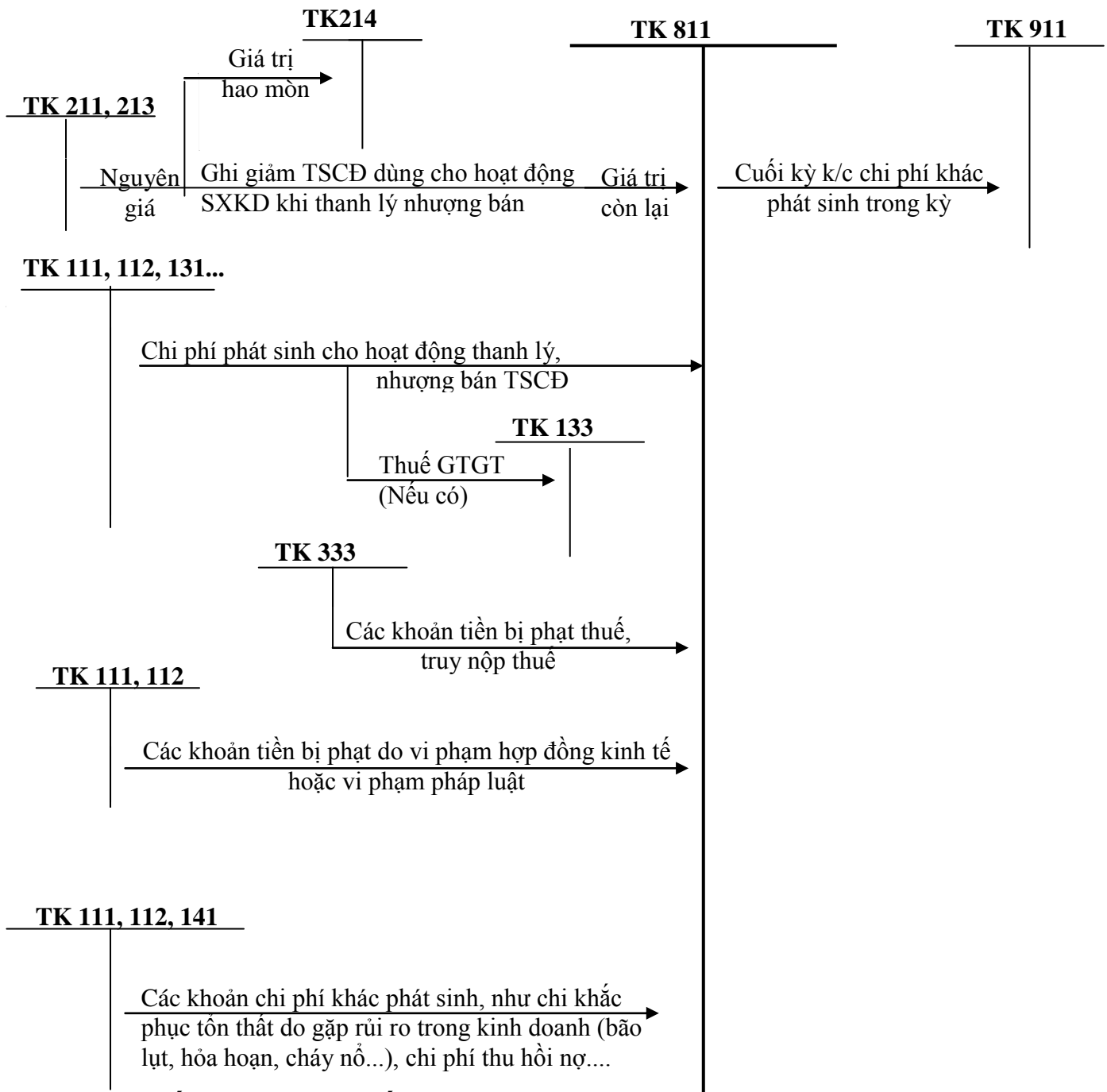
- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

➤ **Phương pháp hạch toán TK 811**

Phương pháp hạch toán chi phí khác được thể hiện qua sơ đồ 1.11 như sau:

Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán chi phí khác



1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán theo đúng quy định của chính sách tài chính hiện hành.

Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động (hoạt động sản xuất, chế biến, hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, hoạt động tài chính...). Trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại dịch vụ.

➤ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán kết chuyển (Cuối kỳ, tổng hợp số liệu từ sổ sách kế toán có liên quan lập phiếu kế toán định khoản các bút toán xác định lãi lỗ).

➤ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 911 có kết cấu như sau:

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Kết chuyển lãi.

Bên Có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Kết chuyển lỗ.

Kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (lãi hoặc lỗ) được xác định trên cơ sở tổng hợp tất cả kết quả của mọi hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.

Doanh thu thuần	=	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Chiết khấu thương mại	-	Giảm giá hàng bán	-	Hàng bán bị trả lại	-	Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu (nếu có)
-----------------	---	--	---	-----------------------	---	-------------------	---	---------------------	---	---

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận gộp từ} \\ \text{hoạt động bán hàng} \\ \text{và cung cấp dịch vụ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu bán hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng bán} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận thuần} \\ \text{từ hoạt động bán} \\ \text{hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu bán} \\ \text{hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{hoạt động} \\ \text{bán hàng} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí quản} \\ \text{lý doanh} \\ \text{nh nghiệp} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận từ hoạt} \\ \text{động tài chính} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Thu nhập hoạt động} \\ \text{tài chính} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí hoạt} \\ \text{động tài chính} \end{array}$$

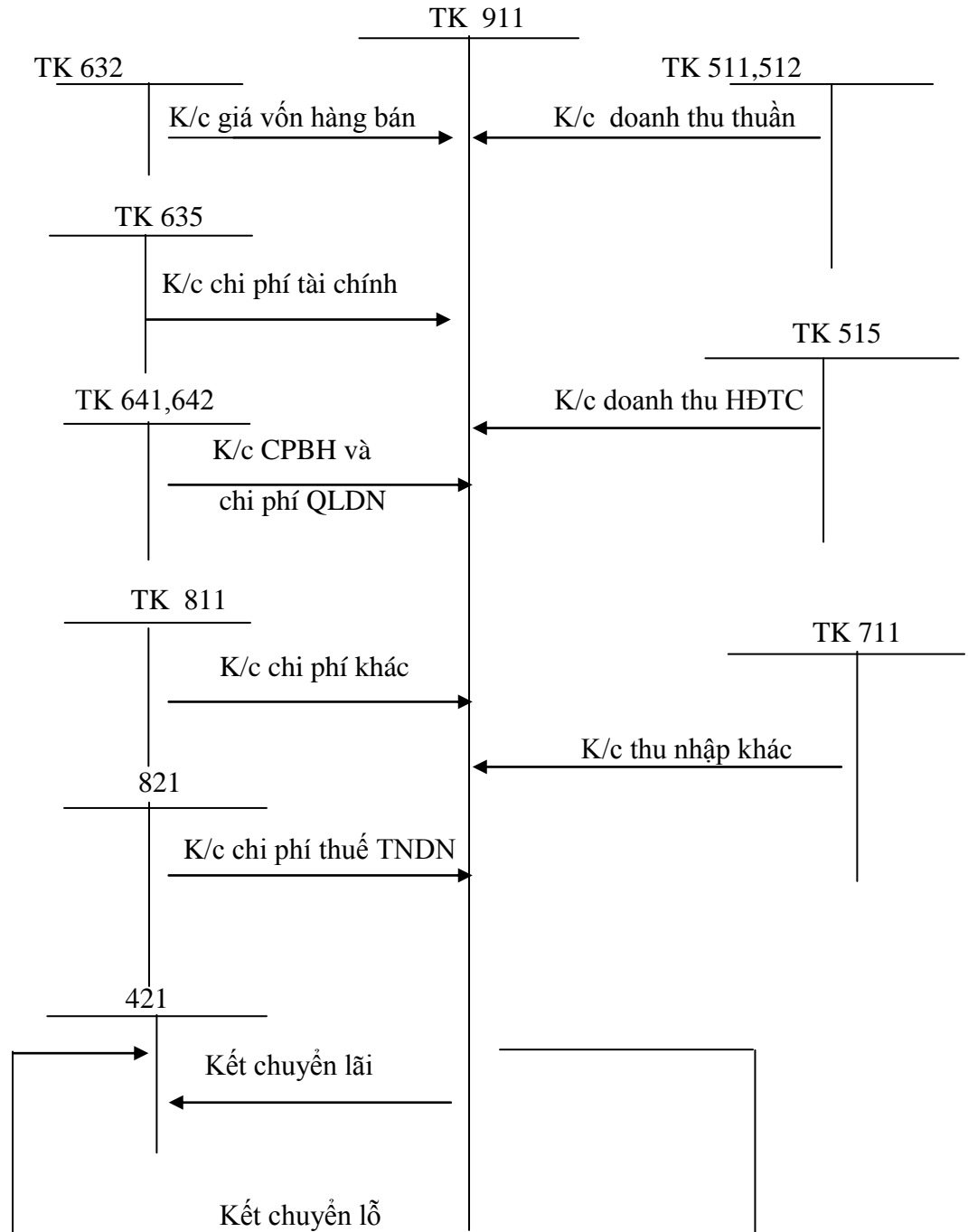
$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận từ hoạt} \\ \text{động khác} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Thu nhập từ hoạt} \\ \text{động khác} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí cho} \\ \text{hoạt động khác} \end{array}$$

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

➤ Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh được thể hiện qua sơ đồ 1.12 như sau:

Sơ đồ 1.12: Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh



1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Các hình thức sổ kế toán bao gồm:

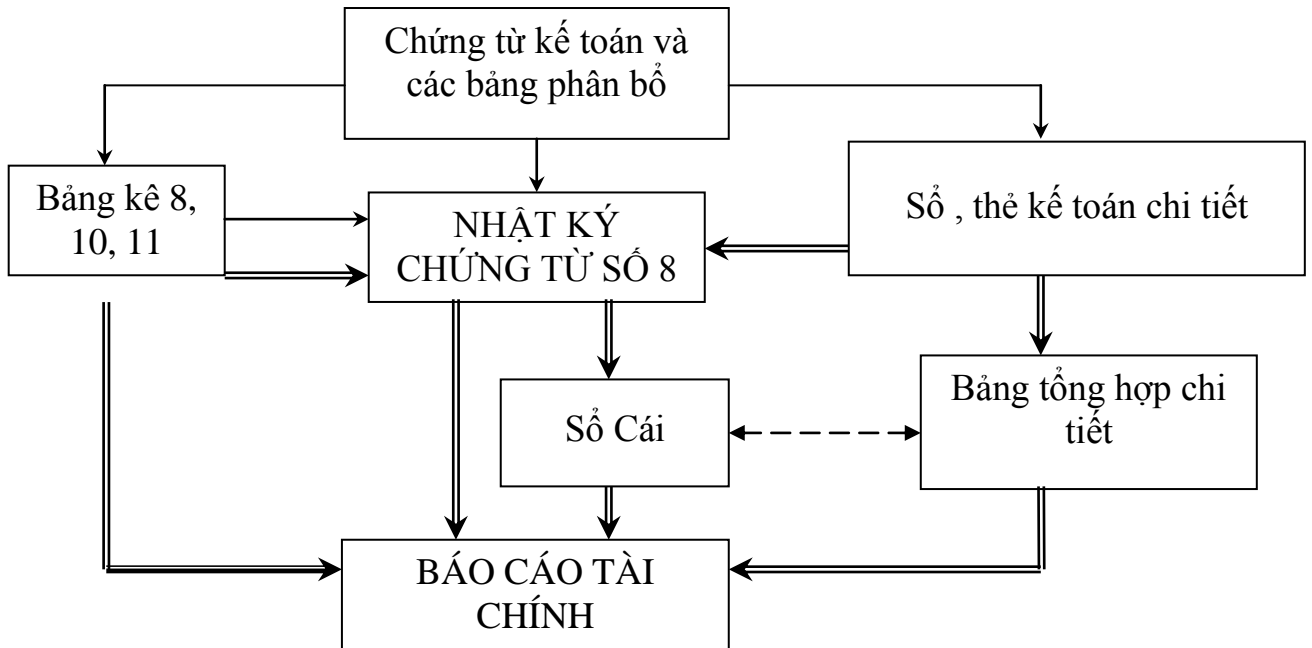
- Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

1.3.1 Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ.

❖ Các loại sổ: Nhật ký chứng từ, Bảng kê, Sổ cái, Sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán:

Sơ đồ 1.13: trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chứng từ.



Ghi chú

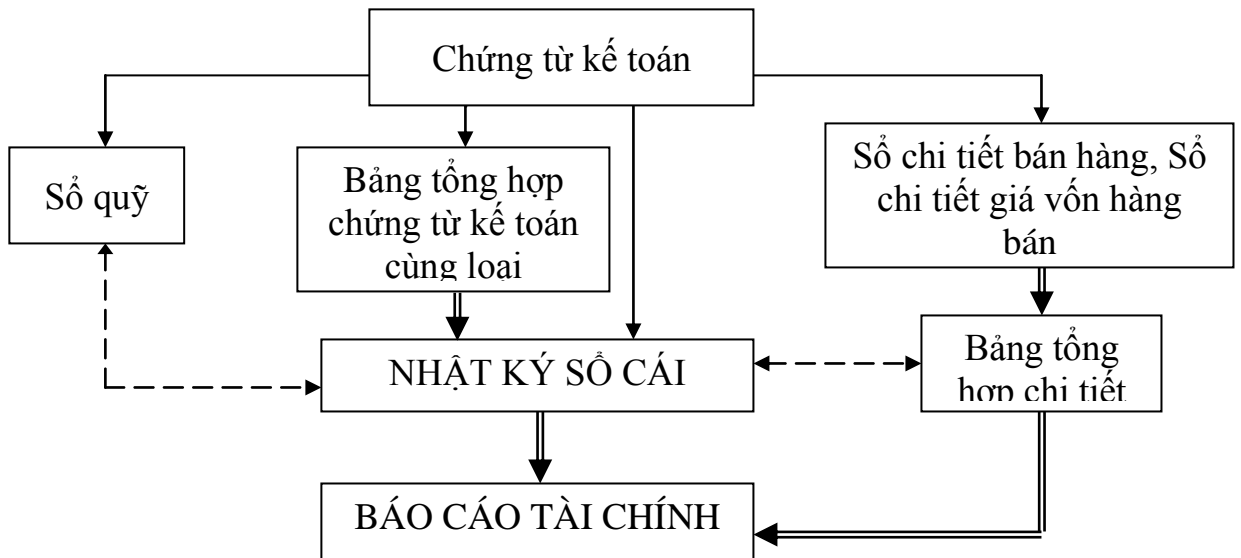
- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ↔ Đối chiếu

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái.

❖ Các loại sổ: Sổ Nhật ký – Sổ cái, các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

❖ Trình tự ghi sổ kế toán :

Sơ đồ 1.14 : Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký – Sổ cái



Ghi chú

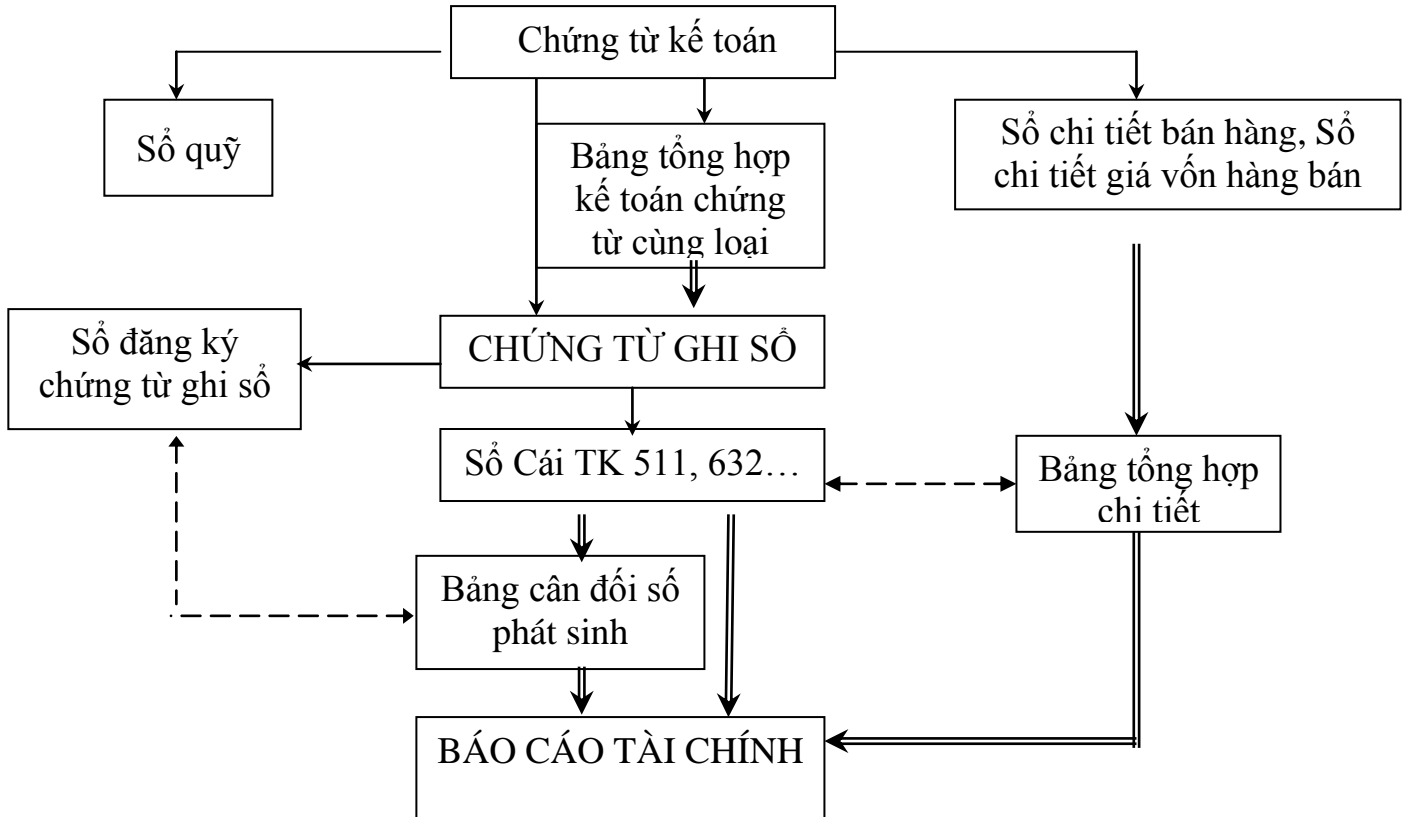
- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ↔ Đối chiếu

1.3.3 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

❖ **Các loại sổ:** Chứng ghi sổ, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ cái, các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Trình tự ghi sổ kế toán

Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ theo hình thức Chứng từ ghi sổ



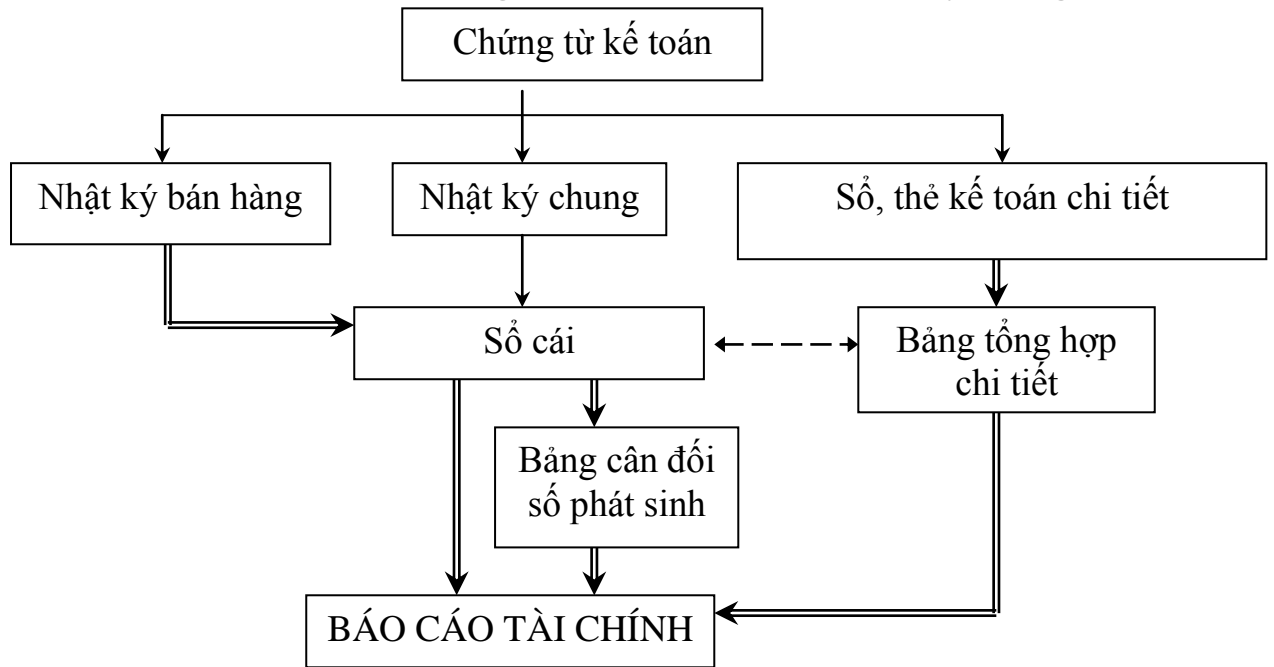
Ghi chú

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ↔ Đối chiếu

1.3.4 Hình thức kế toán Nhật ký chung

- ❖ Các loại sổ: Sổ Nhật ký chung, Sổ cái, các sổ thẻ kế toán chi tiết
- ❖ Trình tự ghi sổ kế toán

Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung

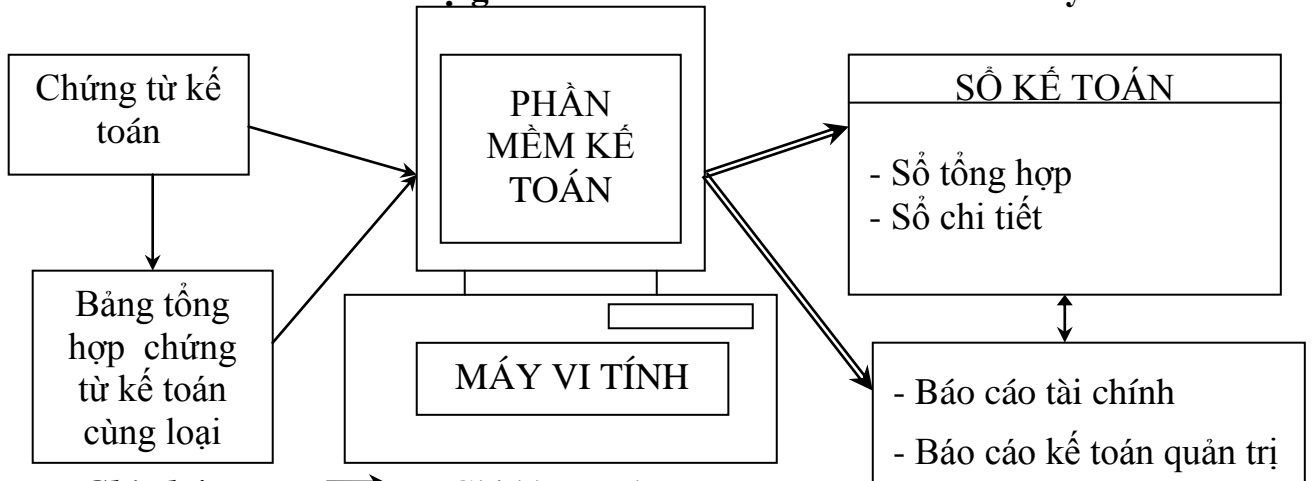


- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
 - ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 - ↔ Đối chiếu, kiểm tra

1.3.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính .

- ❖ Các loại sổ: Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.17: Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán trên máy vi tính



- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
 - ⇒ Ghi cuối tháng
 - ↔ Đối chiếu

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU T.B.H

2.1. Khái quát chung về công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H

- Tên công ty: công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu TBH.
- Tên giao dịch quốc tế: TBH export – import company limited.
- Tên viết tắt: TBH EXIMCO., LTD.
- Giám đốc công ty: Nguyễn Đình Hiệp.
- Địa chỉ: 23 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền – Hải Phòng.
- Điện thoại: 0313.686.301 Fax: 0313826255
- Ngành nghề kinh doanh: Bách hoá, bảo hộ lao động, kinh doanh kho bãi...
- Hình thức công ty: Công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu TBH được tổ chức hoạt động theo mô hình công ty mẹ và công ty con.
- Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng

Công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu TBH là một đơn vị kinh tế độc lập và là công ty con của công ty Cổ phần Tổng Bách Hóa. Qua hơn 60 năm thành lập, cùng với sự phát triển chung của đất nước cũng như cả ngành, Công ty không ngừng lớn mạnh về doanh thu, cơ sở vật chất kỹ thuật, tài sản, nhân sự nhờ việc tăng cường quản lý, thay đổi máy móc thiết bị...

Bắt đầu thành lập từ năm 1950 với cái tên ban đầu là Ngũ Kim. Có trụ sở chính tại 38 Phan Đình Phùng – Ba Đình – Hà Nội và có các đơn vị thành viên ở một số nơi như: Q.Đống Đa – Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Thanh Xuân- Hà Nội, Ngô Quyền – Hải Phòng.

Đến năm 1978 để phù hợp với nền kinh tế bao cấp, công ty đổi tên thành công ty Bách Hóa I thực hiện nhiệm vụ cung cấp hàng hóa cho công ty

thương nghiệp cấp 2 và cấp 3. Năm 1986 công ty sáp nhập với chi nhánh bảo hộ lao động và đổi tên thành công ty bán buôn Bách Hóa.

Khi đất nước ta chuyển đổi theo cơ chế thị trường, nền kinh tế nước ta bước vào giai đoạn đổi mới và toàn diện trên mọi mặt của đời sống kinh tế. Thực hiện chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước chuyển đổi nền kinh tế thị trường theo định hướng của nhà nước. Thực hiện quyết định số 90/TTg của Thủ tướng Chính Phủ về việc sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, công ty đã đăng ký lại doanh nghiệp theo quyết định số 156/TM – TCCB ngày 19/03/1995, đơn vị thành viên của công ty Bách Hoá I tại Hải Phòng lấy tên là chi nhánh Công ty Bách Hoá I.

Trong những năm gần đây nền kinh tế nước ta đang hội nhập với xu thế toàn cầu hóa, tính cạnh tranh ngày càng gay gắt quyết liệt giữa các doanh nghiệp. Để tạo sự năng động hạn chế phụ thuộc của các doanh nghiệp nhà nước. Và theo chủ trương của nhà nước ta, cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước công ty đã đổi tên thành Công ty Cổ Phần Tổng Bách Hóa, để tạo sự chủ động cho các đơn vị thành viên trong sản xuất kinh doanh hội đồng quản trị Công ty Bách Hóa I thành công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu TBH.

Trải qua những khó khăn trong những năm 1980. Đó là sự trì trệ ràng buộc cơ chế quản lý cũ, sự bao vây cấm vận kinh tế của các lực lượng thù địch Việt Nam.... Công ty đã gặp không ít những khó khăn, song bước vào cơ chế thị trường và nhất là kể từ khi hoạt động theo cơ chế mới đến nay, công ty đang dần khắc phục những khó khăn, yếu kém tự lực đi trên con đường hoàn thiện và phát triển của mình.

Trong những năm đầu làm quen với cơ chế thị trường, đến nay công ty đã thu được một số kết quả đáng kể. kể từ chỗ chỉ làm theo chỉ tiêu pháp lệnh, công việc thuần túy chỉ là cung cấp hàng hóa dịch vụ theo sự chỉ đạo của tổng công ty. Cơ chế mới đã giúp công ty có sự tự chủ về kinh doanh, tự khai thác sản xuất các mặt hàng để đáp ứng nhu cầu của mọi người tiêu dùng, phù hợp với thị trường.

Với nguồn vốn ban đầu do Công ty Cổ phần Tổng Bách Hóa cấp và quản lý,

đồng thời Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu TBH đã không ngừng tổ chức, huy động các loại vốn cần thiết cho nhu cầu kinh doanh, bên cạnh đó tiến hành phân phối, quản lý và sử dụng vốn hiện có một cách hợp lý, có hiệu quả cao nhất trên cơ sở chấp hành các chế độ, chính sách quản lý kinh tế - tài chính và kỉ luật thanh toán của nhà nước.

Cùng với sự phát triển của đất nước Công ty TNHH một thành viên XNK TBH ngày càng lớn mạnh hơn, các hoạt động kinh doanh thương mại của công ty đa dạng phong phú, đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Có thể thấy sự trưởng thành và phát triển của công ty qua các chỉ tiêu kinh tế sau:

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
01	Doanh thu thuần	33.550.402.921	42.973.338.692	65.903.997.224
02	Lợi nhuận gộp	564.227.433	2.667.523.804	2.451.012.412
03	Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.142.471	20.495.833	71.039.075
04	Lợi nhuận sau thuế	6.427.413	61.487.651	213.117.223

2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H

Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H là một công ty kinh doanh thương mại, thực hiện chức năng nối liền giữa sản xuất và tiêu dùng. Đối tượng kinh doanh của công ty là hàng hoá, đó là những sản phẩm của công ty mua về để bán ra nhằm đáp ứng nhu cầu của sản xuất và tiêu dùng của thị trường

- Mặt hàng kinh doanh chủ yếu của công ty bao gồm:
- + Cửa hàng bảo hộ lao động chuyên kinh doanh hàng bảo hộ lao động, cửa hàng bán buôn bán lẻ tất cả các mặt hàng bảo hộ lao động như găng tay, áo, mũ...
- + Công ty có nhiều bất động sản cho khách hàng thuê làm văn phòng, nhà ở, kho bãi
- + Công ty còn buôn bán sắt thép, nông sản như: thép tấm, thép góc các loại, đường kính trắng, đường tinh luyện, đường Kontum.

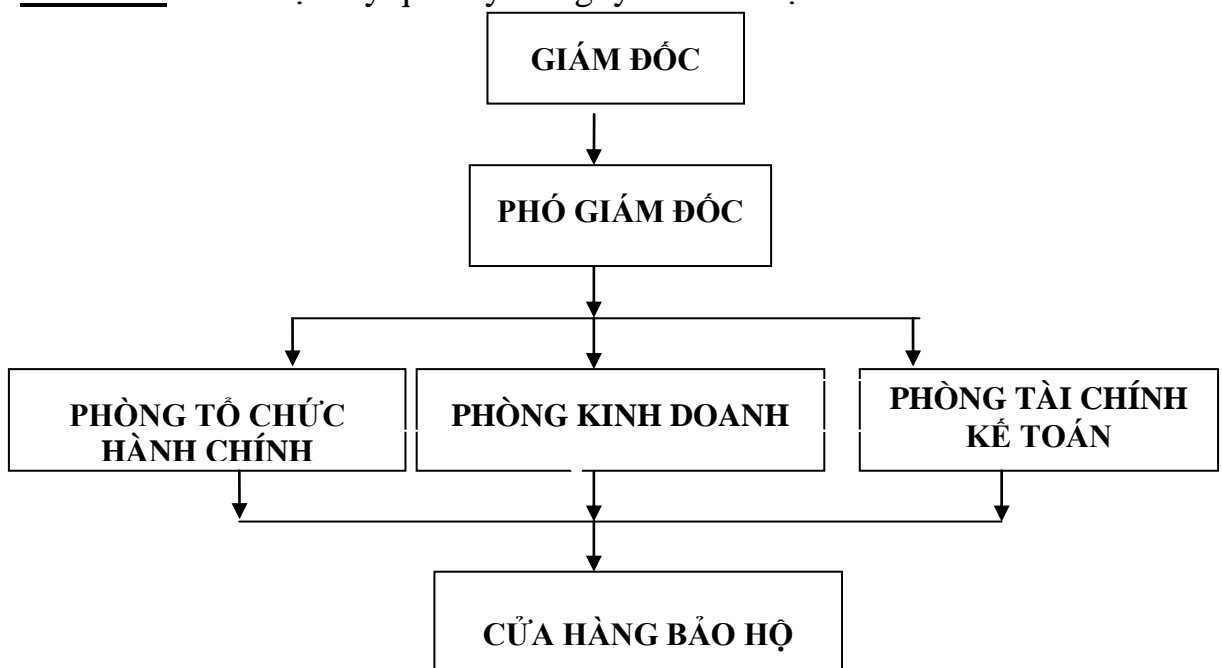
2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H

Tổ chức bộ máy quản lý doanh nghiệp là một vấn đề hết sức quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, Công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu TBH luôn quan tâm đến việc kiện toàn bộ máy quản lý sao cho phù hợp với năng lực sản xuất kinh doanh của công ty

Bộ máy tổ chức quản lý của công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến, bộ máy quản lý gọn nhẹ. Chức năng quan hệ là chỉ đạo từ trên xuống dưới. việc tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty được tiến hành, tổ chức sắp xếp hợp lý và xây dựng nhiệm vụ với hạn mức cụ thể cho từng bộ phận. do đó tạo ra bộ máy hoạt động nhịp nhàng, đồng bộ.

Căn cứ vào nghị quyết cuộc họp liên tịch ban Giám đốc, ban Chi uỷ và Chủ tịch công đoàn công ty ngày 19/08/2004 về việc sắp xếp tổ chức mạng lưới hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đã được tổng công ty thông qua. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty có 17 công nhân viên, được thể hiện qua sơ đồ 2.1

Sơ đồ 2.1 Sơ đồ bộ máy quản lý Công ty TNHH một thành viên XNK T.B.H



- Giám đốc công ty : là thủ trưởng của đơn vị được Tổng giám đốc của công ty uỷ quyền ký kết các hợp đồng kinh tế; là người đứng đầu công ty, vừa

đại diện cho nhà nước vừa đại diện cho cán bộ công nhân viên chức. Quản lý và điều hành công ty theo chế độ một thủ trưởng, có toàn quyền quyết định điều hành hoạt động của công ty theo chính sách pháp luật của nhà nước. Giám đốc là người đại diện pháp nhân của công ty, chịu trách nhiệm về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và là người giữ vai trò lãnh đạo toàn công ty, chỉ đạo trực tiếp tới các phòng ban của công ty. Là người chỉ đạo chiến lược phát triển công ty, thực hiện các công tác đối ngoại, là chủ tịch hội đồng thi đua, khen thưởng, kỷ luật, chỉ đạo công tác tổ chức đào tạo cán bộ và phụ trách công tác khoa học công nghệ.

- Phó giám đốc: là người giúp đỡ đắc lực cho Giám đốc và là người phụ trách trực tiếp công tác xây dựng cơ bản, xử lý tồn đọng của công ty, tư vấn cho Giám đốc trong chỉ đạo, điều hành công tác xuất nhập khẩu, dự án của công ty. Là người đại diện phụ trách về chất lượng của công ty và thực hiện một số công việc khi Giám đốc giao hoặc uỷ quyền, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và Tổng công ty về những nhiệm vụ đã giao.

- Phòng tổ chức hành chính: có nhiệm vụ soạn thảo, triển khai quy chế làm việc, quản lý tổ chức chặt chẽ công tác văn thư, lưu trữ hồ sơ, tài liệu theo chế độ quy định; xây dựng lịch làm việc, tiếp khách, đảm bảo an toàn hành chính nội vụ công ty; tham mưu, tham gia cho Giám đốc về tổ chức, bố trí nhân sự trong công ty như: tuyển dụng lao động, có nhiệm vụ đào tạo bồi dưỡng cán bộ, giúp lãnh đạo thanh tra xử lý vụ việc liên quan đến khiếu nại.

- Phòng tài chính – kế toán: Nhiệm vụ theo dõi và thực hiện kế hoạch, cân đối hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh của công ty, chịu trách nhiệm về tài chính của công ty trong việc đầu tư, bảo toàn vốn và nghĩa vụ với nhà nước.

- Phòng kinh doanh: có nhiệm vụ giúp Giám đốc trong việc mua bán hàng hoá trong và ngoài nước, đồng thời theo dõi cả về số lượng và chất lượng của hàng hoá. Công ty có nhiều bất động sản cho khách hàng thuê làm văn phòng, nhà ở, kho bãi.

- Cửa hàng bảo hộ lao động: chuyên kinh doanh hàng bảo hộ lao động, cửa hàng bán buôn, bán lẻ tất cả các mặt hàng bảo hộ lao động như: áo, mũ, găng tay, ủng...

Nhìn chung, bộ máy lãnh đạo quản lý của công ty được sắp xếp gọn nhẹ đảm bảo được sự chỉ đạo thống nhất của Giám đốc công ty – chế độ một thủ trưởng, đồng thời có ít cấp trung gian nên các quyết định không bị chòng chéo và nhanh chóng linh hoạt hơn, có tầm bao quát rộng, dễ điều chỉnh. Mô hình tổ chức này khá phù hợp với các đơn vị kinh tế có quy mô nhỏ như công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu TBH. Vì thế nó cũng góp phần nâng cao hiệu quả trong mọi hoạt động của công ty.

2.1.4. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán, hình thức sổ kế toán áp dụng và chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán

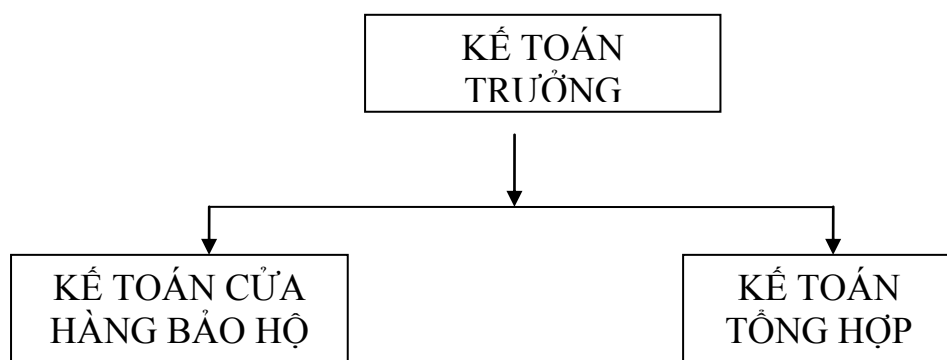
❖ Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán

Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H đã chú trọng tới việc tổ chức bộ máy kế toán để thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, chức năng được giao, đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Giám đốc, kế toán trưởng đến các nhân viên kế toán.

❖ Tổ chức bộ máy kế toán

Do đặc điểm của mỗi công ty khác nhau lên cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của mỗi công ty là khác nhau và để phù hợp với hoàn cảnh của mình Công ty đã xây dựng cho mình một bộ máy kế toán tập trung với yêu cầu cũng như đặc thù riêng của công ty mình. Bộ máy kế toán được phản ánh qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.2 Sơ đồ bộ máy kế toán của công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H



❖ Chức năng của từng bộ phận

Kế toán trưởng: là người đứng đầu của bộ máy kế toán, có trách nhiệm bao quát hoạt động và công tác kế toán của phòng kế toán. Chịu trách nhiệm trước giám đốc về chế độ hạch toán, kế toán, quản lý vốn, các chứng từ kế toán định khoản trên sổ sách và hồ sơ lưu trữ, tổng hợp quyết toán toàn công ty, lập báo cáo tài chính

Kế toán cửa hàng bảo hộ: theo dõi quản lý kho, các hàng hóa mua vào bán ra của cửa hàng bảo hộ.

Kế toán tổng hợp: theo dõi công nợ với ngân hàng, viết phiếu thu phiếu chi, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, theo dõi khâu bán hàng của phòng kinh doanh, công nợ với khách hàng và tổng hợp lại của kế toán cửa hàng bảo hộ lao động

2.1.4.2 Hình thức kế toán áp dụng tại công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H

Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H áp dụng ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung

❖ Các loại sổ sách sử dụng

- Nhật ký chung
- Sổ cái: được mở cho từng tài khoản
- Sổ hoặc thẻ chi tiết
- Bảng tổng hợp chi tiết
- Báo cáo tài chính

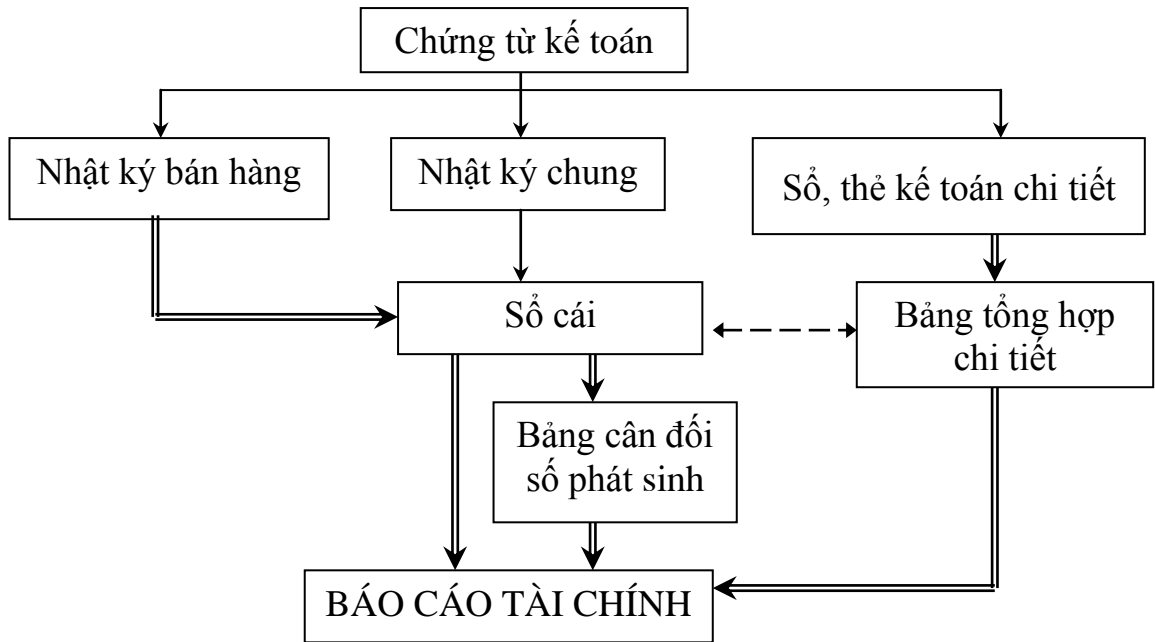
Đặc trưng cơ bản của hình kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

❖ Trình tự ghi sổ theo sơ đồ 2.3

❖ Trình tự ghi sổ kế toán

Hằng ngày căn cứ vào chứng từ gốc, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung. Đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi vào các sổ chi tiết các tài khoản

**Sơ đồ 2.3: Hình thức kế toán áp dụng tại công ty TNHH MTV
xuất nhập khẩu T.B.H**



- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
 - ⇒ Ghi cuối tháng
 - ↔ Đối chiếu

+ Căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

+ Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối phát sinh.

+ Kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

+ Cuối kỳ kế toán, từ bảng cân đối tài khoản làm căn cứ để lập báo cáo tài chính

Nguyên tắc ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung đó là: Tổng số phát sinh nợ và Tổng số phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh nợ và Tổng số phát sinh có trên sổ Nhật ký chung.

2.1.4.3 Chế độ kế toán áp dụng tại công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H

Công ty áp dụng chế độ kế toán ban hành theo quyết định: Số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp.

- Niên độ kế toán: từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: ĐVN
- Phương pháp áp dụng thuế: phương pháp khấu trừ
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên
- Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho: Thực tế đích danh

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H

2.2.1. Thực trạng công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H

➤ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH MTV XNK TBH bao gồm

- Doanh thu mua bán sắt thép
- Doanh thu từ mua bán nông sản, phân lân
- Doanh thu mua bán quần áo giày dép bảo hộ lao động.
- Doanh thu từ thuê kho bãi.

Doanh thu bán hàng là tổng hợp các lợi ích kinh tế của doanh nghiệp (chưa có thuế) thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp

➤ Chứng từ sử dụng

Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H sử dụng các chứng từ có liên quan đến quy trình bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Hợp đồng mua bán hàng hoá
- Các chứng từ có liên quan khác

➤ **Tài khoản sử dụng:**

- TK 511
- Ngoài ra có các TK liên quan: TK 131, 3331, 111,112...

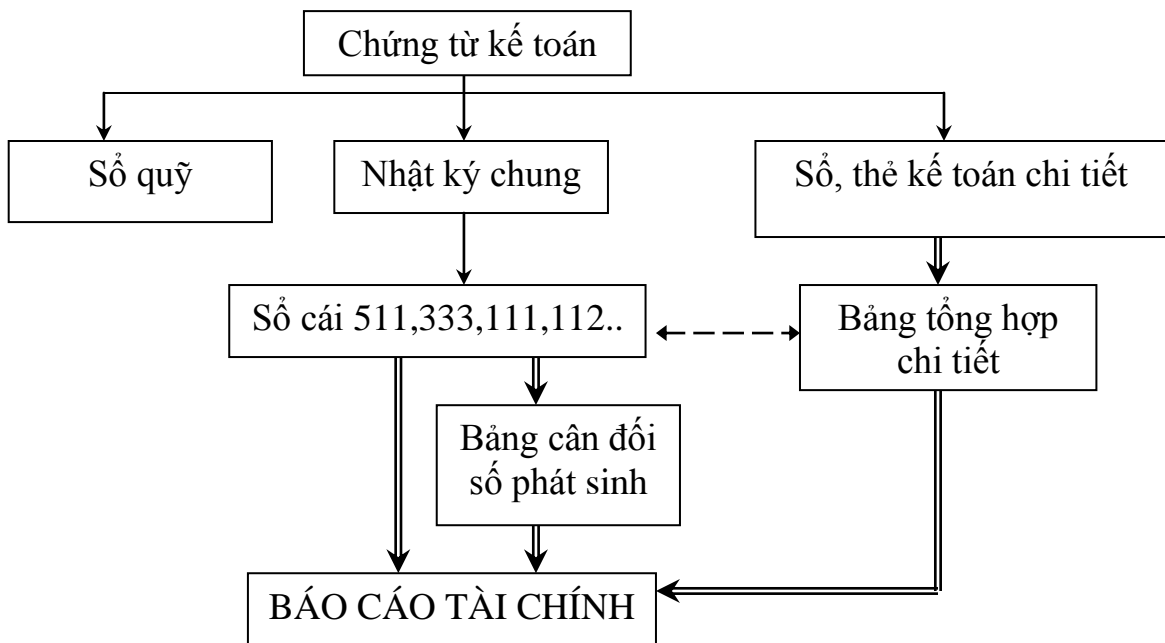
➤ **Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại công ty**

- Đối với hoạt động bán hàng, trước hết căn cứ vào hợp đồng mua bán (nếu có) hoặc căn cứ vào thỏa thuận mua bán của khách hàng, kế toán sẽ viết hóa đơn GTGT sau đó chuyển xuống thủ kho để lập phiếu xuất kho.

Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan, kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung, Sổ chi tiết, Sổ cái TK 511, TK 131, TK 111... và các sổ khác có liên quan.

Cuối năm kế toán thực hiện khóa sổ để lập Bảng cân đối số phát sinh, căn cứ vào Sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh, kế toán lập Báo cáo tài chính.

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán doanh thu



- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
 - ⇒ Ghi cuối tháng
 - ↔ Đối chiếu

Ví dụ 1: Ngày 2 tháng 12 năm 2012 Công ty ký hợp đồng kinh tế với công ty TNHH TM Vĩnh Long (Biểu số 2.1). Ngày 05 tháng 12 năm 2012 công ty TNHH TM Vĩnh Long tạm ứng số tiền 100.000.000 theo hợp đồng kinh tế số 18 qua ngân hàng (Biểu số 2.2). Ngày 12 tháng 12 năm 2012 Công ty xuất thép $\phi 6$ và $\phi 8$ cho công ty TNHH TM Vĩnh Long. Kế toán viết Hóa đơn số 04628

- Căn cứ vào các chứng từ trên kế toán tiến hành ghi vào sổ NKC (biểu số 2.4), sổ cái 511 (biểu số 2.5)

Biểu số 2.1: Hợp đồng kinh tế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

SỐ :18/HĐKT

Về việc: mua bán thép $\phi 6$ và $\phi 8$

I. Căn cứ pháp lý

- *Căn cứ Bộ luật dân sự số 33/2005/QH 11 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005 tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội khoá XI.*

- *Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH 11 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005 tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội khoá XI.*

- *Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên:*

Hôm nay, ngày 02 tháng 12 năm 2012 tại công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H chúng tôi gồm:

II. Thành phần tham gia

BÊN MUA (GỌI TẮT LÀ BÊN A):

Đơn vị: Công ty TNHH TM Vĩnh Long

Địa chỉ : Số 577 – Ngô Gia Tự - Đức Giang – Long Biên – Hà Nội

Điện thoại : Fax:

Mã số thuế : 0100597566

Tài khoản : 020421100901046899 tại ngân hàng Sacombank

Đại diện : ông Nguyễn Đức Long Chức vụ : Giám đốc

BÊN BÁN (GỌI TẮT LÀ BÊN B):

Đơn vị : Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H

Địa chỉ : 23 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền – Hải Phòng

Điện thoại : 031.3686.301 - Fax: 031.3826255

Tài khoản : 0200820923 tại ngân hàng Công thương

Mã số thuế : 0101527970

Đại diện : ông Nguyễn Đình Hiệp. Chức vụ : Giám đốc

Hai bên cùng nhau thoả thuận ký kết đồng kinh tế với các điều khoản sau:

Điều 1 : Nội dung công việc

Bên A đồng ý mua và bên B đồng ý bán mặt hàng thép, nhãn hiệu: $\phi 6$ và $\phi 8$, cụ thể như sau:

- Quy cách, khối lượng, đơn giá sản phẩm được bên A chấp thuận như sau:

STT	Tên sản phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	thép $\phi 6$ và $\phi 8$	Kg	96.583	13.182	1.273.157.106
Cộng :					1.273.157.106
Thuế VAT 10%:					127.315.711
Tổng thanh toán:					1.400.472.817

(Bảng chữ : Một tỷ, bốn trăm triệu, bốn trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm mười bảy đồng)

Điều 2: Phương thức thanh toán

- Bên A đặt cọc 30% giá trị hợp đồng cho bên B ngay sau khi hợp đồng được ký kết.
- Bên A thanh toán tiếp 30% giá trị hợp đồng khi bên B giao cho bên A đạt 2/3 số lượng hàng.
- Bên A thanh toán 40% giá trị hợp đồng còn lại trước khi bên B giao số lượng hàng còn lại cho bên A.
- Thanh toán bằng chuyển khoản.

Điều 3 : Thời gian và địa điểm giao hàng

- Thời gian giao hàng: 10 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng.
- Địa điểm trả hàng : tại Công ty TNHH TM Vĩnh Long

Điều 4 : Trách nhiệm cụ thể của các bên**4.1. Đối với bên A**

- Phối hợp cùng bên B giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình

thực hiện hợp đồng.

- Cùng bên B lập biên bản bàn giao nhận hàng.
- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho bên B số tiền đã ghi trong hợp đồng và theo các điều khoản thanh toán quy định tại Điều 2 của hợp đồng này.
- Thông báo cho bên B kế hoạch từng đợt lấy hàng (trước 10 – 15 ngày).

4.2. Đối với bên B

- Cung cấp sản phẩm cho bên A theo đúng chủng loại, số lượng, chất lượng đạt tiêu chuẩn như cam kết.
- Giao hàng theo đúng thời gian và địa điểm cho bên A như đã nêu trong Điều 3.
- Cung cấp cho bên A hoá đơn tài chính và các chứng từ khác kèm theo (nếu có)

Điều 5 : Trách nhiệm vi phạm hợp đồng

- Trong trường hợp bên B vi phạm thời gian, kế hoạch, không thực hiện đúng như bất kỳ nội dung nào trong phương án mà hai bên đã bàn bạc thì bên B phải chịu phạt 12% giá trị hợp đồng cho bên A.
- Trong trường hợp bên A huỷ bỏ thực hiện các chương trình thì bên A phải chịu phạt 12% giá trị hợp đồng cho bên A.
- Nếu một trong hai bên đơn phương chấm dứt hợp đồng thì bên đó phải chịu hoàn toàn các chi phí phát sinh liên quan và thiệt hại do việc đơn phương chấm dứt hợp đồng đó gây ra.
- Trường hợp bất khả kháng (do thiên tai, hoả hoạn, vv...) các bên có trách nhiệm thông báo cho bên kia để cùng giải quyết trên tinh thần hợp tác cao.

Điều 6 : Điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo các điều khoản ghi trong hợp đồng. Nếu có phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên cùng nhau thoả thuận trên tinh thần hợp tác. Mọi sửa đổi, bổ sung phải thực hiện bằng văn bản và có chữ ký, đóng dấu của hai bên.
- Trường hợp có vấn đề phát sinh mà hai bên không thể giải quyết được bằng thương lượng, thì vụ việc đó sẽ được đưa ra giải quyết theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự tại Toà án có thẩm quyền buộc hai bên cùng thực hiện.
- Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký, được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản.

Hải Phòng, ngày 2 tháng 12 năm 2012

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.2: Giấy báo có

Ngân hàng Công thương

Chi nhánh: Công thương Hồng Bàng – Hải Phòng

PHIẾU BÁO CÓ

Số: 070

Ngày 5 tháng 12 năm 2012

Kính gửi: Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H

Số tài khoản: 0200820923

Địa chỉ: 13 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền – Hải phòng.

Loại tiền: VNĐ

Mã số thuế: 0101527970

Loại tài khoản: Tiền gửi thanh toán

Ngân hàng Công thương xin thông báo đã ghi có tài khoản của quý khách số tiền theo chi tiết như sau:

Nội dung	Số tiền
Chuyển khoản	100.000.000
Tổng số tiền	100.000.000

Số tiền bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn.

Diễn giải: công ty TNHH TM Vĩnh Long trả tước tiền mua hàng.

Người lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.3

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01 GTKT3/001
AA/12P
0004628

Liên 3: Nội bộ

Ngày 12 tháng 12 năm 2012

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH MTV XNK TBH

Địa chỉ: 23 Điện Biên Phủ-Hải Phòng

Số tài khoản:

Điện thoại:.....MS:

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị mua hàng: Công ty TNHH TM Vĩnh Long

Địa chỉ: số 577-Ngô Gia Tự-Đức Giang-Long Biên-Hà Nội

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: CK

MS: 0100597566

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1×2
01	Thép xây dựng ø6 + ø8	Kg	96.583	13.182	1.273.157.106
cộng tiền hàng:					1.273.157.106
Thuế suất GTGT: 10% tiền thuế GTGT:					127.315.711
Tổng cộng tiền hàng:					1.400.472.817
Số tiền viết bằng chữ: một tỉ, bốn trăm triệu , bốn trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm mười bảy đồng					

Người mua hàng

(kí, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(kí, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(kí, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu: Tại phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.4

CÔNG TY TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H

Số 23 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - HP

Mẫu số: S03a- DN

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

ĐVT: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	ST TD	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang				654.742.586.105	654.742.586.105
.....
05/12	GBC CT	05/12	Cty TNHH TM Vĩnh Long trả trước tiền hàng			112	100.000.000	
						131		100.000.000
...
12/12	PXK 6/12	12/12	Giá vốn hàng bán thép ø6 + ø8			632	1.225.541.687	
						156		1.225.541.687
12/12	HĐ04628	12/12	Giao thép ø6 + ø8			131	1.400.472.817	
			Doanh thu bán hàng hóa			511		1.273.157.106
			Thuế GTGT bán ra			3331		127.315.711
...
19/12	PC27/12	19/12	Mua báo quý 4 năm 2012			642	641.000	
						111		641.000
20/12	GBN 0132	20/12	Chi phí lãi vay từ ngân hàng Hàng Hải			635	31.500.000	
						112		31.500.000
...
24/12	PC39/12	24/12	Chi tiếp khách			641	2.880.000	
						133	288.000	
						111		3.168.000
25/12	PC40/12	25/12	Đồ mực máy in			642	500.000	
						133	50.000	
						111		550.000
...
			Tổng cộng				915.458.496.005	915.458.496.005

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.5

CÔNG TY TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H
Số 23 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - HP

Mẫu số: S03b- DN

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tài khoản: 511

Tên TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Năm 2012

NT GS ghi số	Chứng từ		Diễn Giải	NKC		TK đối ứng	Số tiền phát sinh	
	SH	NT		TS	Sttd		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
....
12/12	HĐ04628	12/12	Bán thép ø6 + ø8 cho công ty TNHH TM VĩnhLong			131		1.273.157.106
15/12	HĐ 04629	15/12	Bán thép cho công ty CP may Haprosimex			131		793.939.300
.....
29/12	HĐ 04647	29/12	Bán giày bảo hộ và giày vải cho bà Lê Bích Thủy			111		12.932.546
			Cộng phát sinh				24.955.206.698	24.955.206.698
			Số dư cuối kỳ					

NGƯỜI LẬP
(ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC
(ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty)


2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H

Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H là công ty kinh doanh thương mại nên các mặt hàng công ty mua về nhập kho, sau đó sẽ xuất bán cho khách hàng tiêu dùng, chủng loại, mặt hàng ít nên công ty tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp thực tế đích danh.

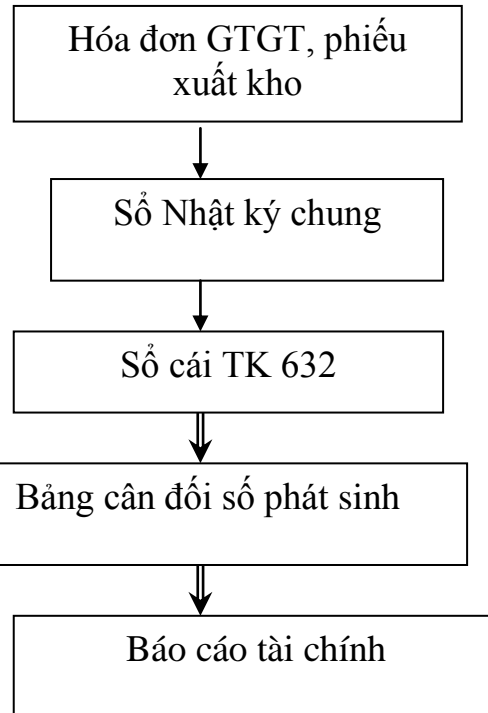
- Chứng từ sử dụng
 - Hóa đơn GTGT
 - Phiếu xuất kho
 - Các chứng từ khác có liên quan
- Tài khoản sử dụng
 - Tài khoản 632 "Giá vốn hàng bán".
 - Tài khoản 156 "Hàng hóa"
- Quy trình hạch toán giá vốn
 - Đề hạch toán giá vốn kế toán sử dụng TK 632:
 - + Căn cứ vào phiếu xuất kho
 - + Sổ sách kế toán sử dụng bao gồm: sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 632.
 - Trình tự hạch toán:
 - + Căn cứ phiếu xuất kho, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung
 - + Căn cứ vào sổ Nhật Ký Chung kế toán ghi vào sổ cái TK 632

và lập bảng cân đối phát sinh.

- + Đối chiếu bảng tổng hợp chi tiết để lập báo cáo tài chính.

 Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H theo sơ đồ 2.6

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H



Ghi chú

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng

Ví dụ 02: (tiếp ví dụ 01)

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế (biểu số 2.1) và hóa đơn 04628 (Biểu số 2.3).
 Cùng với việc ghi nhận doanh thu bán hàng, kế toán phản ánh giá vốn hàng bán.
 Trị giá vốn hàng xuất bán được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

Từ Phiếu xuất kho (Biểu 2.6), kế toán sẽ vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.7),
 Sổ cái tài khoản 632 (Biểu 2.8) và các sổ khác có liên quan.

Biểu số 2.6

Đơn vị: Công ty TNHH MTV	PHIẾU XUẤT KHO	Số: 6/12.....	Mẫu số 02-VT
xuất nhập khẩu T.B.H.....		Nợ: ...632...	QĐ số: 15/2006/QĐ-
Bộ phận:.....		Có: ...156	BTC Ngày 20 tháng 3
			năm 2006 của bộ
			trường BTC

Ngày 12 tháng 12 năm 2012

Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Đức Cường Địa chỉ (bộ phận)... Công ty
 TNHH TM Vĩnh Long.....

Lý do xuất kho: Xuất bán

Xuất tại kho; ... kho hàng hóa

T T	Tên hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
	Thép xây dựng phi 6+phi 8		Kg	96.583	96.583	12.689	1.225.514.687
	Cộng			96.583	96.583		1.225.514.687

Người lập phiếu người nhận hàng Thủ kho kế toán trưởng Giám đốc

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.7

CÔNG TY TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H
Số 23 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - HP

Mẫu số: S03a- DN
Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

DVT: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	ST TD	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển				654.742.586.105	654.742.586.105
.....
05/12	GBC CT	05/12	Cty TNHH TM Vĩnh Long trả trước tiền hàng			112	100.000.000	
						131		100.000.000
.....
12/12	PXK 6/12	12/12	Giá vốn hàng bán thép ø6 + ø8			632	1.225.541.687	
						156		1.225.541.687
12/12	HĐ04628	12/12	Giao thép ø6 + ø8			131	1.400.472.817	
			Doanh thu bán hàng hóa			511		1.273.157.106
			Thuế GTGT bán ra			3331		127.315.711
...
19/12	PC27/12	19/12	Mua báo quý 4 năm 2012			642	641.000	
						111		641.000
20/12	GBN 0132	20/12	Chi phí lãi vay từ ngân hàng Hàng Hải			635	31.500.000	
						112		31.500.000
...
24/12	PC39/12	24/12	Chi tiếp khách			641	2.880.000	
						133	288.000	
						111		3.168.000
25/12	PC40/12	25/12	Đồ mực máy in			642	500.000	
						133	50.000	
						111		550.000
...
			Tổng cộng				915.458.496.005	915.458.496.005

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.8

CÔNG TY TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H
Số 23 Điện Biên Phủ - Ngõ Quyền - HP

Mẫu số: S03b- DN

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tài khoản: 632

Tên TK: Giá vốn hàng bán

Năm 2012

NT GS	Chứng từ		Diễn Giải	NKC		TK đối ứng	Số tiền phát sinh	
	SH	NT		TS	Sttd		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
....
09/12	PXK 4/12	09/12	Giá vốn hàng bán			156	1.072.698.000	
10/12	PXK 5/12	10/12	Giá vốn hàng bán			156	1.818.000	
12/12	PXK6/12	12/12	Giá vốn hàng bán			156	1.225.541.687	
...
31/12	PKT124	31/12	K/c giá vốn để XĐKQKD			911		63.452.984.412
			Cộng số phát sinh				63.452.984.412	63.452.984.412
			Số dư cuối kỳ					

NGƯỜI LẬP
(ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC
(ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty)

2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H

2.2.3.1 Kế toán chi phí bán hàng tại công ty

Chi phí bán hàng là khoản chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ. Kế toán chi phí bán hàng tại công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H bao gồm một số khoản như sau:

- Chi tiếp khách
- Trích ra tiền lương phải trả nhân viên bán hàng

- Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định trên tổng số tiền lương phát sinh trong kỳ tính vào chi phí.

- Trích khấu hao TSCĐ ở bộ phận bán hàng
- Các chi phí phát sinh bằng tiền khác

➤ **Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Bảng thanh toán tiền lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Các chứng từ khác có liên quan

➤ **Tài khoản sử dụng**

Việc hạch toán chi phí bán hàng tại công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H được hạch toán trên tài khoản 641 – Chi phí bán hàng

Cuối kỳ kế toán kết chuyển sang bên nợ tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh phục vụ cho việc lập báo cáo kết quả kinh doanh.

2.2.3.2 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty

Chi phí quản lý doanh nghiệp là những khoản chi phí phát sinh liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp mà không tách riêng ra được cho bất kỳ hoạt động nào

Tại công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H, chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí nhân viên văn phòng
- Chi phí mua sắm, khấu hao thiết bị văn phòng
- Chi điện, nước và dịch vụ mua ngoài khác phục vụ quản lý doanh nghiệp
- Chi phí bằng tiền khác

➤ **Chứng từ sử dụng**

- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Bảng thanh toán tiền lương
- Phiếu chi
- Chi phí bằng tiền khác

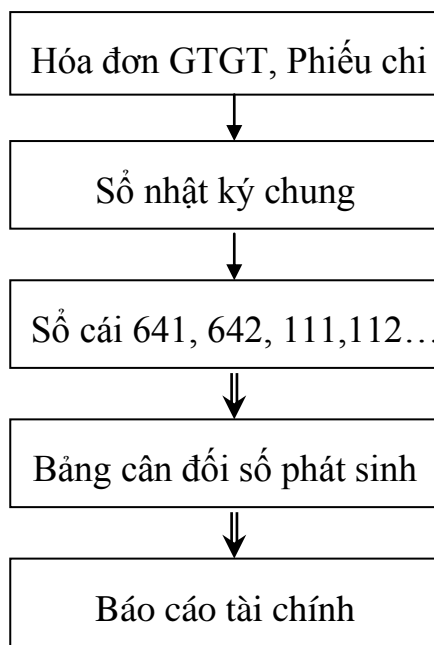
➤ **Tài khoản sử dụng**

Kế toán công ty sử dụng tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp để phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp.

Cuối kỳ kế toán kết chuyển sang bên nợ tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh phục vụ cho việc lập báo cáo kết quả kinh doanh

Quy trình hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H được thể hiện qua sơ đồ 2.7

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty



Ghi chú → Ghi hàng ngày
 ⇒ Ghi cuối tháng

Ví dụ về chi phí bán hàng: Ngày 24/12/2012 thanh toán tiền tiếp khách cho Phạm Mạnh Sơn tại phòng kinh doanh theo phiếu chi số 39/12 số tiền là 2.880.000 đồng, thuế GTGT 10% là 288.000 đồng.

- Hóa đơn GTGT (Biểu số 2.9)
- Người xin thanh toán viết giấy đề nghị thanh toán (Biểu số 2.10)
- Căn cứ vào giấy đề nghị thanh toán đã được giám đốc công ty phê duyệt, kế toán tiến hành viết phiếu chi và chi tiền cho người đề nghị thanh toán (Biểu số 2.11).
- Kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.12)
- Vào sổ cái tài khoản 641 (Biểu số 2.13)
- Cuối quý hoặc cuối năm, từ sổ cái các tài khoản kế toán lập báo cáo tài chính

Biểu số 2.9

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01 GTKT3/001
AA/12P
0004657

Liên 2: Giao khách hàng

Ngày 24 tháng 12 năm 2012

Đơn vị bán hàng: Nhà hàng Trọng Khách

Địa chỉ: 35 Nguyễn Đức Cảnh – Lê Chân - HP

Số tài khoản:

Điện thoại:.....MS:

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị mua hàng: Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H

Địa chỉ: 23 Điện Biên Phủ - HP

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: TM MS: 0101527970012

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1×2
01	Tiếp khách				2.880.000
cộng tiền hàng:					2.880.000
Thuế suất GTGT: 10%		tiền thuế GTGT:		3.168.000	
Tổng cộng tiền hàng:					
Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu một trăm sáu mươi tám ngàn đồng					

Người mua hàng

(kí, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(kí, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(kí, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu: Tại phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.10

CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU T.B.H **Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày 24 tháng 12 năm 2012

Kính gửi: Giám đốc công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H

Tên tôi là: Phạm Mạnh Sơn

Bộ phận công tác: Phòng kinh doanh

Nội dung thanh toán: Tiếp khách

Số tiền : 3.168.000 đồng

Bằng chữ: Ba triệu một trăm sáu mươi tám ngàn đồng.

Theo bảng kê chi tiết:

Chứng từ		Diễn giải chi tiết	Giá chưa thuế	Thuế GTGT	Giá thanh toán
Số	Ngày tháng		1	2	3=1*2
39773	24/12	Tiếp khách	2.880.000	288.000	3.168.000
		Tổng cộng	2.880.000	288.000	3.168.000

Giám đốc

(ký, họ tên)

P. Kế toán

(ký, họ tên)

Người đề nghị

(ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.11

Đơn vị: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XNK TBH

Địa chỉ: : 23 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền –HP

Mẫu số: 02-TT

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Số CT 39/12

Ngày 24/12/2012

TK ghi nợ 641: 2.880.000

133: 288.000

TK ghi có 111: 3.168.000

Người nhận tiền: : Phạm Mạnh Sơn

Địa chỉ : Bộ phận kinh doanh

Lý do : Thanh toán tiền tiếp khách

Số tiền: 3.160.000 đồng

Bằng chữ: Ba triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng

Kèm theo.....01.....chứng từ gốc

Giấy giới thiệu số: Ngày...../...../.....

Ngày 24 tháng 12 năm 2012

Thủ trưởng đơn vị
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Kế toán thanh toán
(ký, họ tên)

Người nhận tiền
(ký, họ tên)

Thủ quỹ
(ký, họ tên)

Biểu số 2.12

CÔNG TY TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H
Số 23 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền – HP

Mẫu số: S03a- DN
Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2012

ĐVT: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	ST TD	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang				654.742.586.105	654.742.586.105
.....
05/12	GBC CT	05/12	Cty TNHH TM Vĩnh Long trả trước tiền hàng			112	100.000.000	
						131		100.000.000
...
12/12	PXK 6/12	12/12	Giá vốn hàng bán thép ø6 + ø8			632	1.225.541.687	
						156		1.225.541.687
12/12	HĐ04628	12/12	Giao thép ø6 + ø8			131	1.400.472.817	
			Doanh thu bán hàng hóa			511		1.273.157.106
			Thuế GTGT bán ra			3331		127.315.711
	
19/12	PC27/12	19/12	Mua báo quý 4 năm 2012			642	641.000	
						111		641.000
20/12	GBN 0132	20/12	Chi phí lãi vay từ ngân hàng Hàng Hải			635	31.500.000	
						112		31.500.000
...
24/12	PC39/12	24/12	Chi tiếp khách			641	2.880.000	
						133	288.000	
						111		3.168.000
25/12	PC40/12	25/12	Đồ mực máy in			642	500.000	
						133	50.000	
						111		550.000
...
			Tổng cộng				915.458.496.005	915.458.496.005

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.13

CÔNG TY TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H
Số 23 Điện Biên Phủ - Ngõ Quyền - HP

Mẫu số: S03b- DN

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tài khoản: 641

Tên TK: Chi phí bán hàng

Năm 2012

NT GS	Chứng từ		Diễn Giải	NKC		TK đối ứng	Số tiền phát sinh	
	SH	NT		TS	Sttd		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
....
11/12	PC22/12	11/12	Chi tiếp khách			111	1.157.000	
20/12	PC29/12	20/12	Chi tiền ăn trưa T12 + Tạp vụ			111	1.750.000	
...
24/12	PC39/12	24/12	Chi tiếp khách			111	2.880.000	
..
			Cộng phát sinh				1.397.362.392	1.397.362.392
			Số dư cuối kỳ					

NGƯỜI LẬP
(ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC
(ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty)

Ví dụ về chi phí quản lý doanh nghiệp: Ngày 19/12/2012 mua báo quý 4 năm 2012 số tiền 641.000đ. Theo hóa đơn số 00362404.

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 00362404 (biểu số 2.14), kế toán viết phiếu chi (biểu số 2.15)
- Từ phiếu chi ghi vào Nhật ký chung (biểu số 2.16)
- Cuối tháng vào sổ cái TK 642 (biểu số 2.17)
- Từ sổ cái TK 642 hàng quý kế toán lập Báo cáo tài chính

Biểu số 2.14

**HÓA ĐƠN
THÔNG THƯỜNG**

Mẫu số: 02/GTKT3/001

AA/12P

00362404

Liên 2: Giao khách hàng

Ngày 19 tháng 12 năm 2012

Đơn vị bán hàng: Đại diện trung tâm thông tin thương mại – HP

Địa chỉ: Xã An Đồng – An Dương – Hải Phòng

Số tài khoản:

Điện thoại:.....MS: 0200628754

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị mua hàng: Công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu TBH

Địa chỉ: 23 Điện Biên Phủ - Hải Phòng

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: TM

MS 0101527970012

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1×2
01	Mua báo quý 4/2012				641.000
Cộng tiền hàng hóa dịch vụ:					641.000
Số tiền bằng chữ: sáu trăm bốn mươi một nghìn đồng					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(kí, họ tên)

(kí, họ tên)

(kí, họ tên)

(Nguồn số liệu: Tại phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.15

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XNK TBH**

Địa chỉ: : 23 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền -HP

Mẫu số: 02-TT

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Ngày 19/12/2012

Số CT 27/12

TK ghi nợ 642

TK ghi có 111

Người nhận tiền: : **Hoàng Thị Mai**

Địa chỉ :

Lý do : **Mua báo quý 4/ 2012**

Số tiền: **641.000 đồng**

Bằng chữ: **Sáu trăm bốn mươi một ngàn đồng**

Kèm theo.....01.....chứng từ gốc

Giấy giới thiệu số: Ngày...../...../.....

Ngày 19 tháng 12 năm 2012

Thủ trưởng đơn vị

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Kế toán thanh toán

(ký, họ tên)

Người nhận tiền

(ký, họ tên)

Thủ quỹ

(ký, họ tên)

(nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.16

CÔNG TY TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H
Số 23 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - HP

Mẫu số: S03a- DN

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

ĐVT: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	ST TD	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang				654.742.586.105	654.742.586.105
.....
05/12	GBC CT	05/12	Cty TNHH TM Vĩnh Long trả trước tiền hàng			112	100.000.000	
						131		100.000.000
...
12/12	PXK 6/12	12/12	Giá vốn hàng bán thép ø6 + ø8			632	1.225.541.687	
						156		1.225.541.687
12/12	HD04628	12/12	Giao thép ø6 + ø8			131	1.400.472.817	
			Doanh thu bán hàng hóa			511		1.273.157.106
			Thuế GTGT bán ra			3331		127.315.711
...
19/12	PC27/12	19/12	Mua báo quý 4 năm 2012			642	641.000	
						111		641.000
20/12	GBN 0132	20/12	Chi phí lãi vay từ ngân hàng Hàng Hải			635	31.500.000	
						112		31.500.000
..
24/12	PC39/12	24/12	Chi tiếp khách			641	2.880.000	
						133	288.000	
						111		3.168.000
25/12	PC40/12	25/12	Đồ mực máy in			642	500.000	
						133	50.000	
						111		550.000
...
			Tổng cộng				915.458.496.005	915.458.496.005

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.17

CÔNG TY TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H
Số 23 Điện Biên Phủ - Ngõ Quyền - HP

Mẫu số: S03b- DN

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tài khoản: 642

Tên TK: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Năm 2012

NT GS	Chứng từ		Diễn Giải	NKC		TK đối ứng	Số tiền phát sinh	
	SH	NT		TS	Sttd		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
....
18/12	PC26/12	18/12	Thanh toán tiền			111	824.200	
19/12	PC27/12	19/12	Mua báo quý 4 năm 2012			111	641.000	
20/12	PC29/12	20/12	Tiền ăn trưa T12			111	3.100.000	
25/12	PC40/12	25/12	Đồ mực máy in			111	500.000	
...
			Cộng phát sinh				554.196.295	554.196.295
			Số dư cuối kỳ					

NGƯỜI LẬP
(ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC
(ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty)

2.2.4. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H

Doanh thu hoạt động tài chính được thực hiện từ lãi tiền vay ngân hàng, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Chi phí tài chính: tại công ty không phát sinh nhiều chi phí tài chính cho hoạt động tài chính. Hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản chi phí chủ yếu liên quan đến việc trả lãi vay ngân hàng

Tại công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H, doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

- Doanh thu hoạt động tài chính gồm có: Lãi số dư tài khoản ngân hàng, lãi chênh lệch tỷ giá.

- Chi phí tài chính gồm có: Chênh lệch tỷ giá bán hàng, trả lãi vay ngân hàng ...

➤ **Chứng từ sử dụng**

- Giấy báo lãi của ngân hàng
- Giấy báo trả tiền lãi vay
- Các chứng từ khác có liên quan

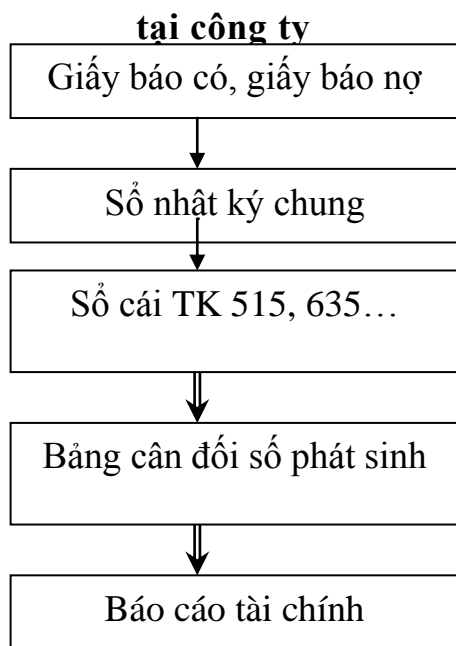
➤ **Tài khoản sử dụng**

Kế toán công ty sử dụng tài khoản 515 – Doanh thu tài chính và tài khoản 635 – Chi phí tài chính

Cuối kỳ kế toán kết chuyển sang tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

Quy trình hạch toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính tại công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H như sau:

Sơ đồ 2.8 Quy trình hạch toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính



Ghi chú → Ghi hàng ngày

 ⇒ Ghi cuối tháng

Ví dụ 1: Ngày 31/12/2012, nhận được giấy báo có của ngân hàng Công thương về việc lãi số dư tài khoản của công ty. Số tiền là 583.140 đồng

Quy trình kế toán chi tiết như sau:

- Căn cứ vào giấy báo có của ngân hàng (biểu số 2.18), kế toán ghi vào Nhật ký chung (biểu số 2.20)
- Kế toán ghi vào sổ cái tài khoản 515 (biểu số 2.21)
- Cuối tháng, cuối quý lập báo cáo tài chính

Ví dụ 2: Ngày 20/12/2012, Ngân hàng Hàng Hải gửi giấy báo trả tiền lãi vay. Số tiền là 31.500.000 đồng

- Kế toán căn cứ vào giấy báo Nợ của ngân hàng (biểu số 2.19), để phản ánh nghiệp vụ phát sinh vào Nhật ký chung (biểu số 2.20)
- Vào sổ cái tài khoản 635 (biểu số 2.22)
- Cuối tháng, cuối quý lập báo cáo tài chính.

Biểu số 2.18

Ngân hàng Công thương

Chi nhánh: Công thương Hồng Bàng- Hải Phòng

GIẤY BÁO CÓ

Ngày: 31/12/2012

Mã GDV:

Mã KH: 10366

Số GD: 1579

Kính gửi: Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 0200820923

Số tiền bằng số: 583.140 đồng

Số tiền bằng chữ: Năm trăm tám mươi ngàn, một trăm bốn mươi đồng

Nội dung: ##Lãi số nhập gốc##

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.19

Ngân hàng Hàng Hải

GIẤY BÁO NỢ

Ngày: 20/12/2012

Mã GDV:

Mã KH: 10366

Số GD: 0132

Kính gửi: Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi NỢ: 10201.0000.200.147

Số tiền bằng số: 31.500.000

Số tiền bằng chữ: *Ba mươi một triệu năm trăm ngàn đồng chẵn.*

Nội dung: ##Lãi tiền vay##

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.16: Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H

Số 23 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - HP

Mẫu số: S03a- DN

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

ĐVT: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	ST TD	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang				654.742.586.105	654.742.586.105
.....
05/12	GBC CT	05/12	Cty TNHH TM Vĩnh Long trả trước tiền hàng			112	100.000.000	
						131		100.000.000
...
12/12	PXK 6/12	12/12	Giá vốn hàng bán thép ø6 + ø8			632	1.225.541.687	
						156		1.225.541.687
12/12	HĐ04628	12/12	Giao thép ø6 + ø8			131	1.400.472.817	
			Doanh thu bán hàng hóa			511		1.273.157.106
			Thuế GTGT bán ra			3331		127.315.711
.....
19/12	PC27/12	19/12	Mua báo quý 4 năm 2012			642	641.000	
						111		641.000
20/12	GBN 0132	20/12	Chi phí lãi vay từ ngân hàng Hàng Hải			635	31.500.000	
						112		31.500.000
...
24/12	PC39/12	24/12	Chi tiếp khách			641	2.880.000	
						133	288.000	
						111		3.168.000
...
31/12	GBC1579	31/12	Nhận lãi tiền gửi từ ngân hàng Công thương			112	583.140	
						515		583.140
.....
			Tổng cộng				915.458.496.005	915.458.496.005

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.21

CÔNG TY TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H
Số 23 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - HP

Mẫu số: S03b- DN

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tài khoản: 515

Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Năm 2012

NT GS	Chứng từ		Diễn Giải	NKC		TK đối ứng	Số tiền phát sinh	
	SH	NT		TS	Sttd		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
....
31/12	GBC1579	31/12	Thu tiền lãi từ ngân hàng Công thương			112		583.140
31/12	GBC168	31/12	Thu tiền lãi từ ngân hàng Hàng Hải			112		201.706
31/12	PKT123	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			911	1.353.823.482	
			Cộng phát sinh				1.353.823.482	1.353.823.482
			Số dư cuối kỳ					

NGƯỜI LẬP
(ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC
(ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.22

CÔNG TY TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H
Số 23 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - HP

Mẫu số: S03b- DN

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tài khoản: 635

Tên TK: Chi phí tài chính

Năm 2012

NT GS ghi số	Chứng từ		Diễn Giải	NKC		TK đối ứng	Số tiền phát sinh	
	SH	NT		TS	Sttd		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
20/12	GBN0132	20/12	Trả tiền lãi vay ngân hàng Hàng Hải			112	31.500.000	
24/12	GBN0134	24/12	Trả tiền lãi vay ngân hàng Hàng			112	43.134.861	
28/12	GBN0162	28/12	Trả tiền lãi vay ngân hàng Hàng			112	250.556	
31/12	PKT124	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính sang 911			911		1.569.120.909
			Cộng phát sinh				1.569.120.909	1.569.120.909
			Số dư cuối kỳ					

NGƯỜI LẬP
(ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC
(ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty)

**2.2.5 Thực trạng công tác kế toán thu nhập khác, chi phí khác tại công ty
TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H**

Tại công ty năm 2012 không có thu nhập khác và chi phí khác.

2.2.6 Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H

➤ Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

➤ Tài khoản sử dụng

- Công ty dùng tài khoản 911 để phản ánh kết quả kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong kỳ kế toán.
- Tài khoản 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Tài khoản 421: Lợi nhuận chưa phân phối
- Các tài khoản khác có liên quan

➤ Quy trình hạch toán

Cuối kỳ, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác sang bên Có tài khoản 911. Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, chi phí tài chính, chi phí khác sang bên Nợ tài khoản 911.

Nếu tổng phát sinh bên Nợ tài khoản 911 lớn hơn tổng phát sinh bên Có tài khoản 911 thì doanh nghiệp bị lỗ, kế toán kết chuyển phần chênh lệch sang bên Nợ tài khoản 421- Lợi nhuận sau thuế.

Nếu tổng số phát sinh bên Nợ tài khoản 911 nhỏ hơn tổng phát sinh bên Có tài khoản 911 thì chứng tỏ trong năm công ty kinh doanh có lãi. Kế toán tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp nhà nước như sau:

- Xác định thu nhập chịu thuế = Số phát sinh bên Có tài khoản 911 - Số phát sinh bên Nợ tài khoản 911
- Thuế TNDN phải nộp = thu nhập chịu thuế x thuế suất thuế TNDN
- Doanh nghiệp tiến hành kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Khi xác định được số thuế thu nhập phải nộp, kế toán xác định lãi (lợi nhuận chưa phân phối) của doanh nghiệp để kết chuyển sang bên Có TK 421

Lợi nhuận chưa phân phối = kết quả kinh doanh trước thuế - thuế TNDN

Ví dụ: Cuối tháng 12 kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh

- Tổng số phát sinh bên Có TK 911:	67.257.820.706
+ Kết chuyển doanh thu thuần:	65.903.997.224
+ Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính:	1.353.823.482
- Tổng số phát sinh bên Nợ TK 911:	:66.973.664.408
+ Kết chuyển giá vốn hàng bán	: 63.452.984.812
+ Kết chuyển chi phí bán hàng	:1.397.362.392
+ Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	:554.196.295
+ Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	:1.569.120.909
- Thu nhập chịu thuế = 67.257.820.706 – 66.973.664.408 = 284.156.298	
- Thuế TNDN phải nộp = 284.156.298 x 25% = 71.039.075	
- Lợi nhuận sau thuế = 284.156.298 – 71.039.075=213.117.223	

Biểu số 2.23

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: 123

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Ghi Có TK911			
1	K/c Doanh thu thuần	511	911	65.903.997.224
2	K/c Doanh thu hoạt động tài chính	515	911	1.353.823.482
3	Cộng			67.257.820.706

Biểu số 2.24

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: 124

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Ghi Nợ TK911			
1	K/c Giá vốn hàng bán	911	632	63.452.984.812
2	K/c Chi phí bán hàng	911	641	1.397.362.392
3	K/c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	554.196.295
4	K/c Chi phí tài chính	911	635	1.569.120.909
5	K/c Chi phí thuê TNDN	911	821	71.039.075
6	Lợi nhuận sau thuế	911	421	213.117.223
	Tổng			67.257.820.706

Biểu số 2.25

CÔNG TY TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H
Số 23 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền – HP

Mẫu số: S03a- DN
Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

ĐVT: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			Số trạng trước chuyển sang				654.742.586.105	654.742.586.105
.....
31/12	PKT 123	31/12	Kết chuyển TK 511			511	65.903.997.224	
						911		65.903.997.224
31/12	PKT 123	31/12	Kết chuyển TK 515			515	1.353.823.482	
						911		1.353.823.482
31/12	PKT 124	31/12	Kết chuyển TK 632			911	63.452.984.812	
						632		63.452.984.812
31/12	PKT 124	31/12	Kết chuyển TK 642			911	554.196.295	
						642		554.196.295
31/12	PKT 124	31/12	Kết chuyển TK 635			911	1.569.120.909	
						635		1.569.120.909
31/12	PKT 124	31/12	Kết chuyển TK 641			911	1.397.362.392	
						641		1.397.362.392
31/12	PKT 124	31/12	Tính thuế TNDN			821	71.039.075	
						3334		71.039.075
31/12	PKT 124	31/12	Kết chuyển TK 821			911	71.039.075	
						821		71.039.075
31/12	PKT 124	31/12	Kết chuyển TK 421			911	213.117.223	
						421		213.117.223
...
			Tổng cộng				915.458.496.005	915.458.496.005

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.26

CÔNG TY TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H
Số 23 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - HP

Mẫu số: S03b- DN
Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tài khoản: 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Năm 2012

NT ghi số	Chứng từ		Diễn Giải	NKC		TK đối ứng	Số tiền phát sinh	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
31/12	PKT 123	31/12	Kết chuyển TK 511			511		65.903.997.224
31/12	PKT 123	31/12	Kết chuyển TK 515			515		51.343.212.482
31/12	PKT 123	31/12	Kết chuyển TK 711			711		10.611.000
31/12	PKT 124	31/12	Kết chuyển TK 632			632	63.452.984.812	
31/12	PKT 124	31/12	Kết chuyển TK 641			641	1.397.362.392	
31/12	PKT 124	31/12	Kết chuyển TK 642			642	554.196.295	
31/12	PKT 124	31/12	Kết chuyển TK 635			635	1.569.120.909	
31/12	PKT 124	31/12	Kết chuyển TK 821			821	71.039.075	
31/12	PKT 124	31/12	Kết chuyển TK 421			421	213.117.223	
			Cộng phát sinh				67.257.820.706	67.257.820.706
			Số dư cuối kỳ					

NGƯỜI LẬP
(ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC
(ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.27 BẢNG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Niên độ tài chính năm 2012

Mã số thuế: **0101527970 - 012**

Người nộp thuế: **Công ty TNHH một thành viên Xuất nhập khẩu TBH**

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Stt	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	65,903,997,224	49,088,426,022
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		65,903,997,224	49,088,426,022
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	63,452,984,812	46,561,630,494
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		2,451,012,412	2,526,795,528
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	1,353,822,482	733,640,681
7	Chi phí tài chính	22	VI.28	1,569,120,909	1,172,212,018
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	1,046,308,513
8	Chi phí bán hàng	24		1,397,362,392	1,500,852,646
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		554,196,295	567,198,728
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		284,156,298	20,172,817
11	Thu nhập khác	31		0	10,076,000
12	Chi phí khác	32		0	0
13	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	10,076,000
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		284,156,298	30,248,817
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.30	71,039,075	5,110,431
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.30	0	0
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		213,117,223	25,138,386
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0

Người ký: Nguyễn Đình Hiệp

Ngày ký: 31/12/2012

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU T.B.H

3.1. Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H

3.1.1. Ưu điểm

Trong quá trình tìm hiểu các phân hành kế toán tại Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H em nhận thấy công tác kế toán của công ty có những ưu điểm sau:

➤ Về tổ chức bộ máy kế toán

- Xuất phát từ đặc điểm kinh doanh và tổ chức hệ thống kinh doanh của mình, Công ty đã lựa chọn bộ máy kế toán tập trung. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát tại chỗ của kế toán đối với công ty, hạn chế những khó khăn trong việc phân công lao động, chuyên môn hóa công việc, tạo điều kiện nâng cao trình độ kế toán viên. Do đó công việc tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh diễn ra theo một trình tự có tính thống nhất cao hơn, việc tập hợp số liệu cũng diễn ra chính xác hơn. Sau khi đã có số liệu tổng hợp do nhân viên kế toán cung cấp, kế toán trưởng sẽ tổng hợp số liệu và tính kết quả hoạt động cuối cùng của doanh nghiệp

- Bộ phận kế toán của Công ty đã không ngừng tìm tòi, hoàn thiện và nâng cao để đáp ứng nhu cầu kinh doanh ngày một đa dạng của Công ty. Đến nay, hệ thống kế toán của Công ty được tổ chức tương đối hoàn chỉnh, gọn nhẹ, nắm chắc chức năng của từng bộ phận mình quản lý.

- Bộ máy kế toán được tổ chức sắp xếp tương đối phù hợp với yêu cầu công việc và khả năng trình độ của từng người. Công ty có đội ngũ

kế toán viên trẻ, nhiệt tình, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao.

- Công tác kế toán đi vào nề nếp.
- Khi phòng kinh doanh tìm hiểu thị trường, tìm đối tác, dự thảo hợp đồng mua bán, phương án kinh doanh thì kế toán cũng được tham gia. Bên cạnh đó, kế toán còn kiểm tra tính pháp lý ghi trong các điều khoản.
- Kết quả sản xuất kinh doanh của công ty năm 2012 đã phản ánh khá đầy đủ doanh thu, chi phí phát sinh theo đúng chế độ tài chính kế toán hiện hành của Nhà nước.

Như vậy, công ty đã thực hiện đúng các chế độ chế toán do BTC quy định, kịp thời sửa đổi, bổ sung theo những thông tư, chuẩn mực và luật kinh tế mới. Cuối các niên độ kế toán, kế toán đã tiến hành lập và phân tích một số chỉ tiêu tài chính quan trọng như: tỷ suất sinh lời, khả năng trả nợ của công ty... Nhằm đưa ra các biện pháp ngăn ngừa và hạn chế những hậu quả xấu xảy ra.

❖ **Chứng từ, sổ sách áp dụng**

- Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và tính pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu của Bộ Tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các chứng từ được lưu giữ, bảo quản cẩn thận. Tổ chức luân chuyển chứng từ hợp lý.

- Công ty áp dụng hệ thống tài khoản theo quy định của Bộ Tài chính về việc áp dụng chế độ chuẩn mực kế toán mới thống nhất trên cả nước. Đồng thời, trong quá trình hạch toán công ty phản ánh một cách chi tiết, cụ thể phù hợp với yêu cầu quản lý của Công ty.

➤ **Về bộ máy quản lý**

Công ty đã năng động trong việc chuyển đổi cơ chế, mạnh dạn phát triển, đa dạng hóa mặt hàng kinh doanh, tìm kiếm bạn hàng mới... với sự nỗ lực đó của Công ty đã nhanh chóng khẳng định vị trí của mình trên thị trường, góp phần phát triển kinh tế đất nước.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những mặt tích cực thì công tác kế toán của công ty vẫn còn một số hạn chế sau:

- Chưa theo dõi chi tiết cho từng mặt hàng về doanh thu, giá vốn
 - Chưa theo dõi chi tiết TK 641, 642
 - Chưa phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng mặt hàng, nên không thể xác định được lãi lỗ của từng mặt hàng. Vì vậy khó khăn trong lựa chọn cơ cấu sản phẩm nào để tăng lợi nhuận.
 - Về bộ máy kế toán và công tác ghi sổ sách kế toán:
- + Tuy bộ máy kế toán của công ty bao gồm những người năng động, nhiệt tình nhưng do sự phân công công việc cho các nhân viên chưa phù hợp. Điều này làm ảnh hưởng đến năng suất, hiệu quả làm việc trong công ty.

Hiện tại, công ty đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Công ty làm kế toán thủ công và lập chương trình kế toán trên Excel để hỗ trợ làm việc chứ không dùng phần mềm kế toán chuyên dụng nên việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh còn chậm, mất nhiều thời gian đôi khi đôi chiều còn dẫn đến nhầm lẫn.

- Chính sách thu hồi nợ và áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán
- + Công ty chưa thực sự quan tâm đến chính sách thu hồi nợ, hiện tại nợ phải thu lớn, gây mất chủ động trong vấn đề sử dụng vốn, vòng quay vốn chậm, ảnh hưởng lớn đến quá trình kinh doanh.
- + Hiện tại, công ty chưa có chính sách chiết khấu thanh toán cho các khách hàng thanh toán trước hạn,... Điều này dẫn đến khách hàng chậm thanh toán, vòng quay vốn của công ty kéo dài ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh

3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H

3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay cùng với sự cạnh

tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì sự thành bại của một doanh nghiệp là điều tất yếu. Doanh nghiệp muốn duy trì tốt hoạt động của mình thì phải xác định phương hướng cũng như mục tiêu để từ đó có bước phát triển mới. Muốn vậy trước hết doanh nghiệp phải hoàn thiện, không ngừng đổi mới công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường như hiện nay. Vì kế toán trong công cuộc đổi mới không chỉ là công cụ quản lý mà trở thành bộ phận quản lý kinh tế, tài chính của doanh nghiệp.

Thông qua việc lập chứng từ, kiểm tra, tính toán, ghi chép, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng các phương pháp khoa học có thể biết được những thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ về sự vận động tài sản và nguồn hình thành tài sản, góp phần bảo vệ tài sản và sử dụng tài sản hợp lý của đơn vị mình. Hơn nữa, Báo cáo tài chính còn cung cấp thông tin cho mọi đối tượng quan tâm về tình hình tài chính của công ty như nhà đầu tư, cơ quan thuế, ngân hàng... để có những quyết định đầu tư đúng đắn trong tương lai. Vì vậy, điều quan trọng là các thông tin tài chính đưa ra trong các Báo cáo tài chính phải có độ tin cậy cao và rõ ràng.

- Hoàn thiện quá trình này giúp cho khối lượng công việc kế toán được giảm nhẹ, hệ thống sổ sách đơn giản, dễ ghi chép, đối chiếu, xác định chính xác thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế... tạo điều kiện cho việc lập các Báo cáo tài chính cuối kỳ, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin kinh tế cho các đối tượng quan tâm.

- Quá trình này được hoàn thiện sẽ giúp cho việc tổ chức chứng từ ban đầu và quá trình luân chuyển chứng từ được dễ dàng, tiết kiệm được chi phí và thời gian, tạo thuận lợi cho công tác kế toán cuối kỳ để phản ánh một cách chính xác, trung thực, đầy đủ tình hình kinh doanh của một doanh nghiệp để từ đó xác định chính xác được hiệu quả của một kỳ kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp, đưa ra phương hướng kinh doanh cho kỳ tới.

3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Để đáp ứng yêu cầu quản lý về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng cao thì việc hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H phải dựa trên những nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán, chế độ kế toán do Nhà nước ban hành nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Để đáp ứng nhu cầu về quản lý đồng bộ hoạt động kinh tế tài chính của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước, Nhà nước ta đã xây dựng và ban hành hệ thống kế toán và chế độ kế toán. Đây là những văn bản có tính bắt buộc. Bởi vậy khi hoàn thiện không vi phạm chế độ kế toán. Mặc dù vậy doanh nghiệp cũng cần có sự linh hoạt trong việc vận dụng chế độ kế toán để phù hợp với đặc điểm tình hình kinh doanh của công ty. Nếu doanh nghiệp thấy không phù hợp thì có kiến nghị sửa đổi, bổ sung trong khuôn khổ nhất định và có sự cho phép của cấp có thẩm quyền.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty. Mỗi công ty có những đặc điểm khác nhau về tổ chức sản xuất kinh doanh, loại hình kinh doanh và trình độ yêu cầu quản lý. Do vậy việc vận dụng hệ thống, chế độ, thể lệ tài chính kế toán trong doanh nghiệp phải hợp lý, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện trên cơ sở đáp ứng yêu cầu về thông tin phải nhanh chóng, kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, giúp cho người quản lý nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh, từ đó có quyết định đúng đắn nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh toàn doanh nghiệp.

- Hoàn thiện trên cơ sở tiết kiệm chi phí: Doanh nghiệp hoạt động với mục đích chủ yếu là lợi nhuận, lợi nhuận càng cao chứng tỏ doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả, ngày càng phát triển. Do đó, không thể tách rời hoạt động của doanh nghiệp với mục đích hạch toán kinh tế.

3.2.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H

Dựa trên những mặt hạn chế đã nêu và thông qua kiến thức đã được học em xin đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H như sau:

3.2.2.1. Ý kiến thứ nhất: Hoàn thiện sổ chi tiết và lập báo cáo XĐKQKD của từng mặt hàng

- Mở sổ chi tiết bán hàng, giá vốn, chi phí sản xuất kinh doanh, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Lập báo cáo xác định kết quả kinh doanh của từng mặt hàng
 - a) Mở sổ chi tiết cho từng sản phẩm, hàng hóa

Ví dụ 1: mở sổ chi tiết bán hàng của thép XD phi 6 và phi 8

Biểu số 3.1

CÔNG TY TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H
Số 23 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền – HP

Mẫu số: S35- DN
Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên hàng hóa: Thép XD $\phi 6 + \phi 8$

Năm 2012

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521, 531, 532)
....
12/12	HĐ04628	12/12	Bán thép cho cty TNHH TM Vĩnh Long	112	96.583	13.182	1.273.157.106		
15/12	HĐ04629	15/12	Bán cho cty CP May Haprosimex	112	60.000	13.232	793.920.000		
19/12	HĐ04630	19/12	Bán cho cty TNHH Trường Phát	112	135.625	13.156	1.784.282.500		
27/12	HĐ04637	27/12	Bán cho cty CP Công nghệ phẩm HP	112	82.851	13.413	1.111.280.463		
			Cộng số phát sinh				44.190.065.587		
			- Doanh th thuần				44.190.065.587		
			- Giá vốn hàng bán				42.614.248.779		
			- Lãi gộp				1.575.816.810		

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

b) Lập báo cáo kết quả kinh doanh của từng mặt hàng

Để lập được báo cáo KQKD của từng mặt hàng thì phải biết cách phân bổ chi phí phục vụ cho tiêu thụ sản phẩm (chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp).

$$\text{Tiêu thức phân bổ CPQLDN Cho SPA theo doanh thu} = \frac{\text{Tổng chi phí QLDN}}{\text{tổng doanh thu}} * \text{Doanh thu SPA}$$

$$\text{Tiêu thức phân bổ CPBH cho SPA theo doanh thu} = \frac{\text{Tổng chi phí bán hàng}}{\text{Tổng doanh thu}} * \text{Doanh thu SPA}$$

✚ Ý nghĩa của việc phân bổ chi phí cho từng loại sản phẩm:

- Để tính lợi nhuận cho từng mặt hàng
- Phục vụ cho công tác quản trị được tốt hơn
- Giúp ban Giám đốc có cái nhìn rõ hơn từng loại mặt hàng để so sánh và cân đối với các kỳ sau.

Ví dụ 2: Lập báo cáo XĐKQKD theo từng mặt hàng

-	Doanh thu thép XD $\phi 6 + \phi 8$:	44.190.065.587
-	Doanh thu giấy vải và giấy bảo hộ lao động	12.576.241.068
-	Doanh thu đường các loại	9.137.690.569
-	Tổng doanh thu	65.903.997.224
-	Chi phí bán hàng	1.397.362.392
-	Chi phí quản lý doanh nghiệp	554.196.295

CÔNG TY TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H

Số 23 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền – HP

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

BÁO CÁO XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH THEO TỪNG MẶT HÀNG

Năm 2012

STT	Mặt hàng	Doanh thu	Giá vốn	CPBH	CPQLDN	Lãi (lỗ)	Ghi chú
1	thép XD $\phi 6 + \phi 8$	44.190.065.587	42.614.248.779	936.961.916	371.600.686	267.254.208	
2	Giấy vải và giấy BHLĐ	12.576.241.068	12.062.273.541	266.654.027	105.755.440	141.558.053	
3	Đường các loại	9.137.690.569	8.776.462.492	193.746.445	76.840.168	90.641.464	
Cộng		65.903.997.224	63.452.984.812	1.397.362.392	554.196.295	499.453.725	

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

3.2.2.2. Ý kiến thứ hai: Về chính sách thu hồi nợ và chính sách chiết khấu thanh toán

Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H có số lượng khách hàng nợ lớn. Để có thể thu hồi vốn nhanh, rút ngắn vòng quay vốn thì công ty cần phải có những chính sách thu hồi nợ. Để thực hiện thành công chính sách thu hồi nợ thì công ty cần có những biện pháp sau:

- Công ty phải thường xuyên quan tâm đốc thúc khách hàng nợ tiền và những người liên quan tham gia sát xao vào công tác thu hồi nợ.
- Có chế độ thưởng phạt rõ ràng cho các cá nhân đạt thành tích tốt trong công tác thu hồi nợ cũng như là không hoàn thành nhiệm vụ.
- Đưa ra những chính sách để khuyến khích khách hàng trả nợ sớm trong đó quan trọng là chính sách chiết khấu thanh toán.

Chiết khấu thanh toán là một trong những biện pháp giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy nhanh số lượng tiêu thụ và rút ngắn vòng quay vốn, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Trong nền kinh tế thị trường đầy cạnh tranh thì đây là một yếu tố cần thiết cho sự tồn tại của công ty.

Để áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán, trước hết công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Xác định mức chiết khấu thanh toán cho khách hàng dựa trên:

- Tỷ lệ lãi vay ngân hàng hiện nay
- Thời gian thanh toán tiền hàng
- Dựa vào mức chiết khấu thanh toán của doanh nghiệp cùng loại
- Dựa vào hoạch định chính sách kinh doanh của doanh nghiệp.

Sau khi xác định được mức trích chiết khấu hợp lý, công ty cần thực hiện việc ghi chép thông qua tài khoản 635- Chi phí tài chính.

Nợ TK 635:

Có TK 131, 111, 112,..

Thực hiện tốt các giải pháp thu hồi nợ giúp doanh nghiệp có thể thu hồi vốn nhanh chóng, rút ngắn vòng quay vốn để tái sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Với các biện pháp khuyến mãi này có thể Công ty không chỉ giữ được các khách hàng truyền thống mà còn tăng được khối lượng khách hàng mới trong tương lai. Vì có sự ưu đãi của Công ty trong việc bán hàng và thanh toán, giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ, tăng thêm năng lực cạnh tranh trên thị trường. Việc mở thêm các tài khoản này góp phần hoàn thiện, đầy đủ, cụ thể hơn nữa hệ thống tài khoản kế toán

3.2.2.3. Ý kiến thứ ba: Về công tác trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán (Thông tư 13/2006/TT- BTC). Tại công ty, còn những khoản nợ phải thu quá hạn mà kế toán chưa tiến hành trích lập. Vì vậy, kế toán công ty cần trích lập dự phòng phải thu khó đòi để giúp công ty làm việc hiệu quả.

Các khoản nợ phải thu khó đòi đảm bảo các điều kiện sau :

- + Số tiền phải thu phải theo dõi được cho từng đối tượng, theo từng nội dung, từng khoản nợ, trong đó ghi rõ số nợ phải thu khó đòi;
- + Phải có chứng từ gốc hoặc giấy xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ chưa trả bao gồm: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ. . .

Các khoản nợ không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất

Căn cứ xác định nợ phải thu khó đòi:

- + Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được.
- + Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thụ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Phương pháp lập dự phòng

Công ty phải theo dõi theo dõi và thu hồi công nợ đúng hạn, có những biện pháp tích cực đòi nợ nhưng vẫn chú ý giữ gìn mối quan hệ với khách hàng. Công ty nên tiến hành trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi để tránh những rủi ro trong kinh doanh khi khách hàng không có khả năng thanh toán. Mức trích lập theo quy định của chế độ kế toán hiện hành như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.

Cuối kỳ kế toán, Công ty căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định là chắc chắn không thu được, kế toán tiến hành tính toán và trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Phương pháp hạch toán:

✓ Cuối năm, xác định số dự phòng cần trích lập. Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi ở kỳ kế toán này lớn hơn kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì hạch toán phần chênh lệch vào chi phí:

Nợ TK 642:

Có TK 139:

Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này nhỏ hơn kỳ trước thì số chênh lệch được ghi giảm chi phí:

Nợ TK 139:

Có TK 642:

✓ Xóa nợ:

Nợ TK 139: (nếu đã trích lập dự phòng)

Nợ TK 642: (nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131:

Có TK 138:

Đồng thời ghi Nợ TK 004

✓ Đối với nợ khó đòi đã xử lý xóa nợ sau đó thu hồi được:

Nợ TK 111, 112...

Có TK 711

Lập dự phòng nợ phải thu khó đòi giúp công ty đánh giá được khả năng của khách hàng, đảm bảo sự phù hợp giữa doanh thu, chi phí phát sinh trong kỳ, giúp cho tình hình tài chính của công ty không bị biến động khi phát sinh các khoản nợ không đòi được.

3.2.2.4. Ý kiến thứ tư: Nâng cao trình độ đội ngũ nhân viên kế toán và áp dụng kế toán máy

Để kế toán hoạt động hiệu quả, đảm bảo cho việc cung cấp thông tin, số liệu phục vụ cho việc lập báo cáo theo đúng quy định của Nhà nước thì phải nâng cao trình độ của các nhân viên kế toán. Công ty nên cho nhân viên đi đào tạo thêm về nghiệp vụ kế toán, học các lớp tin học, các khóa học về sử dụng phần mềm kế toán để nâng cao hiệu quả giải quyết công việc, đáp ứng yêu cầu của nhà quản lý.

Hiện nay, trong thời kỳ kinh tế thị trường, sự ứng dụng khoa học công nghệ đã mang lại hiệu quả kinh tế cao. Để theo kịp thời đại và áp ứng yêu cầu quản lý, công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H nên sử dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán kế toán.

Trên thị trường hiện nay, có rất nhiều các phần mềm kế toán để công ty có thể lựa chọn như: Phần mềm kế toán MISA, SMART, VACOM, SASINNOVA,.. Công ty có thể tìm thêm các đối tác để mua hoặc đặt hàng phần mềm để phù hợp với đặc điểm kinh doanh và đặc điểm bộ máy kế toán.

Việc áp dụng phần mềm kế toán tại doanh nghiệp thể hiện sự nhanh nhẹn, thích nghi với nền công nghiệp hiện đại. Hiện tại, phòng kế toán đã được trang bị đầy đủ máy vi tính phục vụ công tác kế toán. Đó là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán vào công ty.

Công ty thực hiện tốt việc áp dụng phần mềm kế toán giúp cải thiện hiệu quả làm việc của công ty cho dù công ty là nhỏ hay lớn. Ngay cả những phần mềm kế toán đơn giản nhất cũng có thể mang lại điều này. Với việc thay đổi về nhu cầu quản lý tài chính của công ty, hoàn toàn có thể nâng cấp lên phiên bản tốt hơn hay mở rộng quy mô ứng dụng. Phần mềm kế toán giúp tối ưu hóa quá trình kinh doanh để có thể quản lý một cách đơn giản

và dễ dàng hơn. Hơn nữa, nó dễ dàng chia sẻ dữ liệu cho các chương trình kinh doanh khác và thực hiện các báo cáo phục vụ cho kinh doanh. Bên cạnh đó còn giúp quản lý các đầu mục chi phí một cách hợp lý.

Khi áp dụng phần mềm kế toán giúp cho bộ máy kế toán đơn giản, gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo hoàn thành tốt công việc. Bộ máy kế toán sắp xếp đúng người, đúng việc để đảm bảo các đối tượng được theo dõi một cách chính xác.

Từ đó, giúp tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả cho công ty.

- Công ty nên tuyển chọn thêm những nhân viên kế toán có trình độ để giảm khối lượng công việc hiện tại cho kế toán trưởng.
- Tạo điều kiện quan tâm hơn nữa để cán bộ kế toán được tham gia các lớp bồi dưỡng, cập nhật những thay đổi theo chế độ hiện hành nhằm giúp quá trình tiếp cận và vận dụng được dễ dàng và thuận tiện hơn.

Vớ dụ: Công ty có thể tham khảo một số phần mềm kế toán sau:

✚ Phần mềm kế toán BRAVO:



Tiện ích của phần mềm BRAVO đối với bán hàng như sau:

- Cho phép theo dõi chi tiết kế hoạch giao, đặt hàng của khách hàng và tình hình doanh thu bán hàng theo từng mặt hàng, khách hàng theo các vùng miền khác nhau. Từ kết quả đó có thể dễ dàng so sánh tình hình bán hàng, doanh thu giữa các mặt hàng, vùng miền, nhân viên kinh doanh cũng như so sánh giữa kế hoạch và thực tế đã thực hiện.
- Quản lý đơn đặt hàng bán, theo dõi tiến trình thực hiện đơn hàng quản lý chi tiết hàng hóa bán ra, trả lại, chiết khấu, giá vốn, VAT,...Theo

dõi chi tiết công nợ theo từng khách, hợp đồng, hóa đơn,...Theo dõi hạn thanh toán phải thu chi tiết cho từng hóa đơn, nhà cung cấp.

✚ Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012



Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Với MISA SME.NET 2012 doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua Internet. Đặc biệt, MISA SME.NET 2012 hỗ trợ doanh nghiệp tạo mẫu, phát hành, in, quản lý và sử dụng hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP.

KẾT LUẬN

Hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp chiếm vị trí, vai trò rất quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp. Thông qua hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh người quản lý doanh nghiệp, các đối tượng cần tìm hiểu về doanh nghiệp biết được doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả hay không, từ đó có những quyết định về mặt chiến lược đối với doanh nghiệp, quyết định đầu tư đối với các nhà đầu tư.

Khoá luận: “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H ” đã:

- Hệ thống hóa cơ sở dữ liệu về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
- Phản ánh thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H.
- Với kiến thức đã học cùng với việc tiếp cận thực tế, em xin mạnh dạn đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H

Tuy nhiên, do trình độ còn hạn chế và lần đầu tiên tiếp cận với thực tế nên không tránh khỏi thiếu sót. Vì vậy, em mong nhận được sự chỉ bảo, đóng góp ý kiến của các thầy cô.

Sau cùng, em xin cảm ơn cô giáo Thạc sỹ Hòa Thị Thanh Hương, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh trường ĐHDL Hải Phòng và các cô, chú, anh chị trong phòng kế toán tại Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu T.B.H đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 10 tháng 06 năm 2013

Sinh viên

Đỗ Thị Chi

Tài liệu tham khảo

- Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) - Hệ thống tài khoản kế toán – Nhà xuất bản tài chính.
- Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) - Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán – Nhà xuất bản tài chính.
- Kế toán doanh nghiệp theo chuẩn mực kế toán mới – TS. Nghiêm Văn Lợi.
- Thông tư 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009.
- Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán mới – PGS.TS. Võ Văn Nhị - Nhà xuất bản tài chính.
- Giáo trình kế toán tài chính – Nhà xuất bản giao thông vận tải.
- Giáo trình nguyên lý kế toán – Nhà xuất bản thống kê.